VEPR

Bài Nghiên cứu NC-26

Nhìn lại kinh tế toàn cầu năm 2011:

Khó khăn tích lũy và tương lai ảm đạm

TS. Lê Kim Sa

Vivid

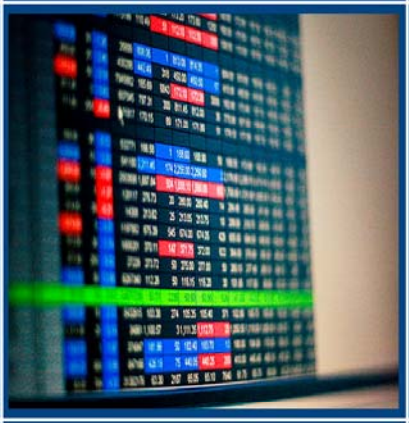

Effective

Practical

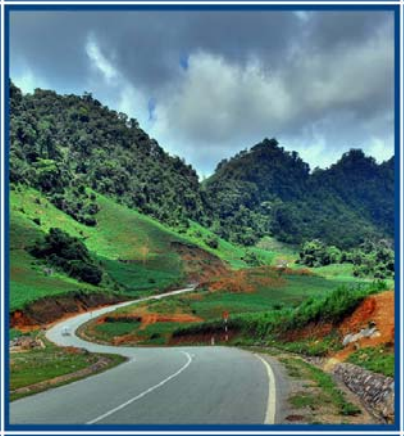

Rigorous

© 2011 Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

Bài Nghiên cứu NC-26

Nhìn lại kinh tế toàn cầu năm 2011:

Khó khăn tích lũy và tương lai ảm đạm

TS. Lê Kim Sa[1]

Quan điểm được trình bày trong bài nghiên cứu này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của VEPR.

[1] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (VASS). Email: kimsa.le@gmail.com.

MỤC LỤC

DANH MỤC HỘP 3

DANH MỤC HÌNH 4

DANH MỤC BẢNG 5

MỞ ĐẦU 6

TỔNG QUAN KINH TẾ THẾ GIỚI 2011 6

Tăng trưởng kinh tế thấp và suy giảm 6

Thương mại thế giới mất đà 8

Khó khăn trong huy động vốn toàn cầu 13

Điểm sáng kiều hối toàn cầu 14

Giá cả biến động và sức ép lạm phát 15

Mất cân đối toàn cầu gia tăng 19

Thất nghiệp tràn lan trên quy mô toàn cầu 21

Khủng hoảng niềm tin 23

TÌNH HÌNH MỘT SỐ NỀN KINH TẾ VÀ KHU VỰC 31

VIỄN CẢNH VÀ HÀM Ý 39

TÀI LIỆU THAM KHẢO 42

DANH MỤC HỘP

Hộp 1: Những nét chính của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) 11

Hộp 2. Hệ lụy của thất nghiệp toàn cầu 23

Hộp 3: Người lao động châu Âu phản đối cắt giảm đầu tư công..... 24

Hộp 4. Những hậu quả nghiêm trọng nếu Eurozone tan rã 30

Hộp 5. Tác động "Operation Twist" có thể lớn hơn QE2 33

Hộp 6. Tác động ngắn hạn của thiên tai ở Nhật Bản 36

Hộp 7. Hệ quả của việc giảm dự trữ bắt buộc ở Trung Quốc 38

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Tăng trưởng kinh tế thế giới, 2007-2013 7

Hình 2. Biến động thương mại toàn cầu 9

Hình 3. Tăng trưởng xuất khẩu, 2005-2013 (%) 11

Hình 4. Dòng vốn tư nhân vào các thị trường mới nổi, 2003-2012 14

Hình 5. Chỉ số giá cả, 2008-2011 (năm 2005=100) 16

Hình 6. Chỉ số giá lương thực hàng năm (2002-2004=100) 17

Hình 7. Lạm phát ở một số quốc gia trên thế giới, 2011(%) 18

Hình 8. Lãi suất ở một số quốc gia trên thế giới, 2011(%) 19

Hình 9. Cân đối tài khoản vãng lai, 2005-2013 (%GDP) 20

Hình 10. Cân bằng tài khoản vãng lai một số quốc gia, 2011 (% GDP) 20

Hình 11. Tỷ lệ thất nghiệp tại các nước khu vực đồng euro, 2011 (%) 22

Hình 12. Tỷ lệ thất nghiệp ở một số quốc gia, 2011 (%) 23

Hình 13. Tăng trưởng GDP của Mỹ, 2008-2011 (%) 32

Hình 14. Tăng trưởng GDP khu vực đồng euro, 2008-2011 (%) 34

Hình 15. Tăng trưởng GDP của Nhật Bản, 2008-2011 (%) 35

Hình 16. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc, 2008-2011 (%) 37

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Dự báo tăng trưởng GDP thế giới 2010-2012 8

Bảng 2: So sánh tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2006-2011 10

Bảng 3. Dòng kiều hối từ các nước đang phát triển, 2008-2013 15

Bảng 4. Dòng kiều hối từ các nước đang phát triển, 2008-2013 21

Bảng 5: Nợ của nhóm GIIPS, tính đến tháng 6/2011 (triệu USD) 27

Bảng 6: Số lượng các ngân hàng châu Âu bị tụt hạng dài hạn[1] 28

Bảng 7. Tăng trưởng khu vực Đông Á, 2009-2012 (%) 39

MỞ ĐẦU

Thế giới vẫn chưa thoát ra khỏi thời kỳ hậu khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu. Ngược lại, nền kinh tế thế giới dường như lại bước vào một giai đoạn khó khăn với những thách thức mới nghiêm trọng hơn như khủng hoảng nợ công, nhất là ở châu Âu. Một loạt các quốc gia bị tụt hạng tín dụng khiến cho giới đầu tư mất lòng tin, đẩy thị trường tài chính rơi vào cảnh rối loạn. Bên cạnh đó, các dấu hiệu về tăng trưởng chậm lại, thất nghiệp tăng vọt và thâm hụt tài khóa sâu rộng xuất hiện ở hàng loạt nền kinh tế phát triển. Tình hình kéo dài do cuộc khủng hoảng niềm tin và dường như đang ngày càng nhiều những thảo luận về sự thất bại của mô hình phát triển. Những nỗ lực giải quyết hai vấn đề này ngày càng trở nên khó khăn hơn trong bối cảnh có sự phát triển mất cân đối giữa nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển và mới nổi.

Nền kinh tế toàn cầu đang ”tăng trưởng chậm lại, rủi ro tăng lên” và đang ở trong một “giai đoạn nguy hiểm mới” đã được Quỹ Tiền tệ quốc tế cảnh báo trong Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới của IMF vào tháng 9/2011 (IMF, 2011). Ngày càng nhiều những phân tích bi quan làm lu mờ những dấu hiệu lạc quan xuất hiện từ cuối năm 2010 và những tháng đầu năm 2011. Sự mất cân bằng toàn cầu được tích lũy qua nhiều năm, kết quả của hàng loạt chính sách sai lầm của Mỹ và châu Âu không thể thay đổi nhanh chóng. Do đó, người ta đang nói đến việc nền kinh tế thế giới dường như đang chấm dứt thời kỳ phục hồi và bắt đầu một giai đoạn khủng hoảng mới.

Bên cạnh đó, những biến động chính trị tại khu vực Trung Đông – Bắc Phi vẫn chưa ổn định, thảm họa động đất, sóng thần và khủng hoảng hạt nhân ở Nhật Bản là những yếu tố đang khiến cho toàn bộ hệ thống kinh tế thế giới trở nên bất định hơn với những nguy cơ mới về mất an ninh năng lượng và lương thực trên toàn cầu.

TỔNG QUAN KINH TẾ THẾ GIỚI 2011

Tăng trưởng kinh tế thấp và suy giảm

Mặc dù đã có nhiều biện pháp kích thích kinh tế bất thường nhưng nhiều nền kinh tế trên thế giới tăng trưởng không đủ đạt mức cần thiết để phục hồi tài chính và giảm thất nghiệp, từ đó gây ra những biến động xã hội. Dường như thế giới đang chuyển từ khủng hoảng kinh tế tài chính sang khủng hoảng tăng trưởng. Các định chế quố tế đã hạ dự báo tăng trưởng của nền kinh tế thế giới năm 2011 và 2012. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã giảm dự báo tốc độ

tăng trưởng kinh tế thế giới xuống còn 4% năm 2011, so với mức dự báo 4,3% của tháng 6/2011, và sẽ vẫn giữ ở mức 4% năm 2012. Tổ chức tình báo kinh tế (EIU) cũng dự báo GDP thế giới năm 2011 sẽ ở mức 3,6%, thấp hơn mức 10% của năm 2011 và sẽ còn giảm xuống mức 3,4% vào năm 2012. Tháng 10/2011, Goldman Sachs dự báo thế giới tăng trưởng 3,8% năm 2011 và 3,5% trong năm 2012, thấp hơn dự báo kinh tế thế giới trước đó. Những dự báo này đang được điều chỉnh bởi nền kinh tế những tháng cuối năm 2011 và đầu năm 2012 trở nên khó đoán định hơn và tình hình biến động ngày càng phức tạp. Chắc chắn, chi tiêu của doanh nghiệp và người tiêu dùng giảm bới dẫn tới những hệ lụy tiêu cực đối với tăng trưởng toàn cầu.

Theo báo cáo tháng 6/2011 của Ngân hàng thế giới, tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế đang trỗi dậy, vốn được coi như động lực cho quá trình phục hồi của nền kinh tế, cũng đã bắt đầu chậm lại. Các nền kinh tế năng động nhất như Trung Quốc, Brazil và Ấn Độ cũng phải thực hiện chính sách tài chính thắt chặt để đối phó với lạm phát. Các nền kinh tế năng động ở Mỹ Latinh cũng đang siết chặt chính sách tiền tệ nhằm giảm nguy cơ phát triển quá nóng.

Theo OECD, rủi ro tăng trưởng của các nước công nghiệp phát triển là rất cao và mức tăng trưởng sẽ ở mức thấp trong những năm tới, chỉ đạt khoảng 1,8% trong những năm tới. Các nước ngoài OECD sẽ có mức tăng trưởng cao hơn và đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng của kinh tế thế giới (OECD, 2011).

Hình 1. Tăng trưởng kinh tế thế giới, 2007-2013

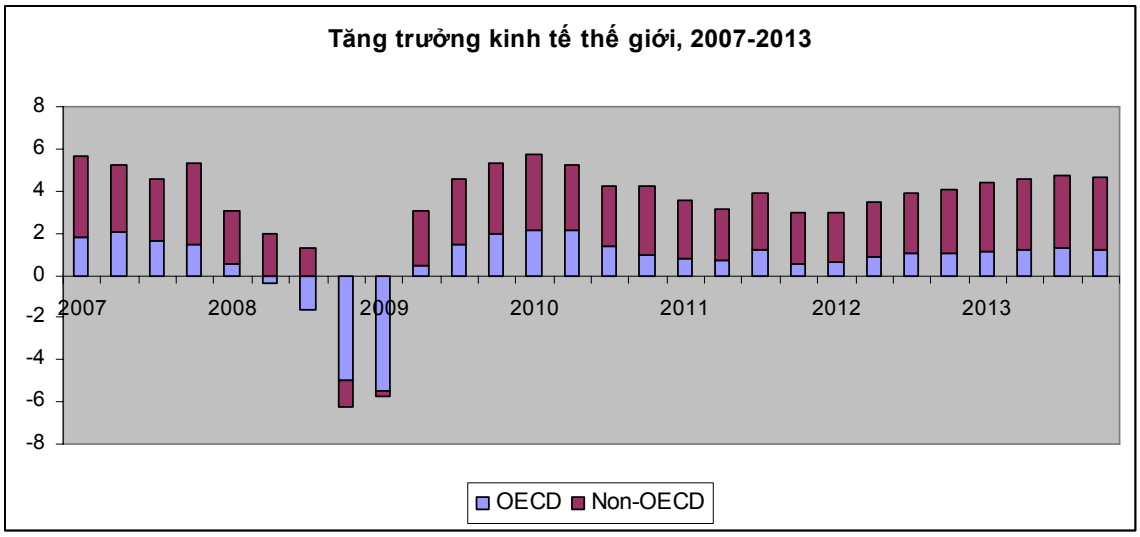

Nguồn: OCED, 2011

Mặc dù có những khác biệt về giá trị tuyệt đối của tốc độ tăng trưởng của kinh tế thế giới trong các báo cáo của các định chế và tổ chức quốc tế, nhưng chúng đều có một điểm chung là những dự báo này đều thấp hơn so với những dự báo trước đó. Sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu dường như dừng lại kể từ khi nó nhen nhóm từ 2 năm trước.

Bảng 1. Dự báo tăng trưởng GDP thế giới 2010-2012

	Quỹ tiền tệ quốc tế[1]			Ngân hàng thế giới[2]		
	2010	**2011**	**2012**	**2010**	**2011**	**2012**
Thế giới	5,1	4,0	4,0	3,8	3,2	3,6
Các nước phát triển	3,1	1,6	1,9	2,7	2,2	2,7
Mỹ	3,0	1,5	1,8	2,8	2,6	2,9
Khu vực đồng euro	1,8	1,6	1,1	1,7	1,7	1,8
Nhật Bản	4,0	-0,5	2,3	4,0	0,1	2,6
Các nước đang phát triển	7,3	6,4	6,1	7,3	6,3	6,2
Trung Quốc	10,3	9,5	9,0	10,3	9,3	8,7
Ấn Độ	10,1	7,8	7,5	8,8	8,0	8,4

[1]. *IMF (2011).*

[2]. *World Bank (2011b)*

Thương mại thế giới mất đà

Cùng với xu hướng suy giảm về tốc độ tăng trưởng GDP, thương mại toàn cầu và sản xuất công nghiệp mất đà tăng trưởng từ quý II của năm 2011, một phần vì hậu quả của động đất và sóng thần ở Nhật Bản làm suy giảm nguồn cung toàn cầu và giá dầu cao đã làm giảm tiêu dùng ở các nước phát triển.

Hình 2. Biến động thương mại toàn cầu

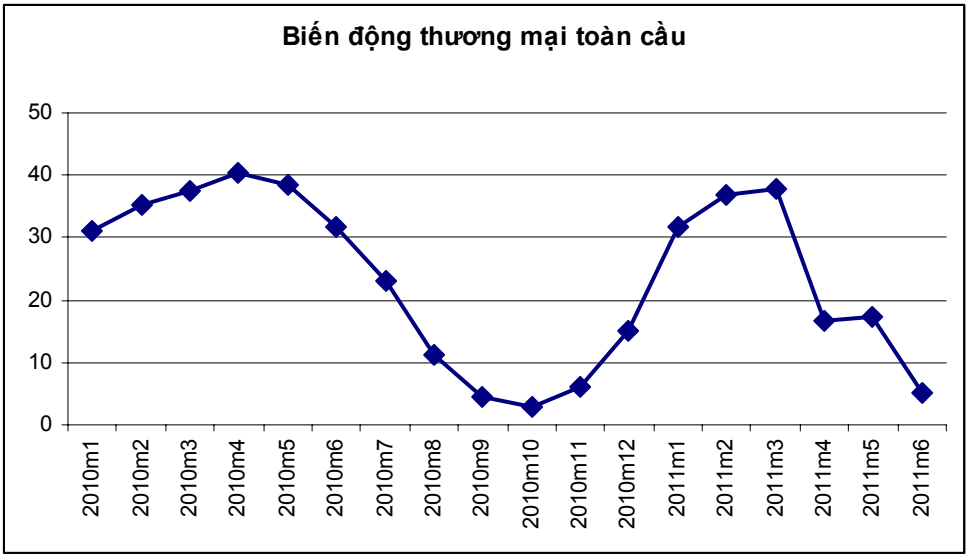

Nguồn: UNCTAD

Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cũng đã hạ dự báo mức tăng trưởng thương mại trong năm 2011 của các nước thành viên xuống 5,8% so với mức dự báo 6,5% công bố hồi tháng Tư. Theo đó, thương mại ở các nước phát triển sẽ đạt tốc độ tăng trưởng 3,7% trong năm 2011, thấp hơn mức dự báo 4,5% trước đó. Tỷ lệ tăng trưởng thương mại cả năm đối với các nước đang phát triển sẽ là 8,5% so với mức dự báo 9,5% trước đó. Lý do chính của chiều hướng suy giảm khối lượng thương mại trong WTO là vì các nền kinh tế phát triển hiện đang phải chịu nhiều tác động bất lợi từ thảm họa ở Nhật Bản, bế tắc ngân sách kéo dài ở Mỹ và việc nền kinh tế lớn nhất thế giới này bị hạ mức xếp hạng tín nhiệm, cũng như cuộc khủng hoảng nợ công đang diễn ra trong khu vực đồng euro.

Theo số liệu của UN, tất cả các nhóm nước đều có tăng trưởng xuất khẩu trong quý II so với quý I trước đó. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn mức trung bình của giai đoạn 2006-2010, trừ các nền kinh tế đang phát triển ở Mỹ La tinh. Tăng trưởng xuất khẩu ở các nền kinh tế đang phát triển có tốc độ cao nhất, đạt 7,3%. Tiếp theo là các nền kinh tế đang chuyển đổi, đạt 5,8%. Các nước đang phát triển ở Mỹ Latinh, đạt mức cao nhất 10,7% so với các nhóm nước còn lại. Tăng trưởng xuất khẩu của Argentina và Brazil đạt 29,6% và 16,4% đã góp phần đẩy tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của khu vực.

Bảng 2: So sánh tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2006-2011

	Quý II/2011	Trung bình 2006-11
Thế giới	4,3	5,2
Các nền kinh tế đang phát triển	7,3	8,7
Châu Phi	-1,4	1,9
Mỹ Latinh	10,7	9,3
Argentina	29,6	21,6
Brazil	16,4	12,7
Châu Á	7,4	9,1
Các nền kinh tế chuyển đổi	5,8	7,3
Các nền kinh tế phát triển	0,6	2,9

Nguồn: http://www.unctad.org/Templates/Page.asp?intItemID=6131&lang=1

Trong giai đoạn kinh tế khó khăn hiện nay, đã có những dấu hiệu cho thấy xu hướng bảo hộ tăng lên vì tình hình tài chính khó khăn không cho phép chi tiêu mạnh ở nhiều nước, các chính trị gia có thể bị kích thích tăng các hàng rào thương mại dưới lập luận để bảo vệ thị trường trong nước.

Xu hướng bảo hộ những lợi ích nội địa vẫn thể hiện rõ trong lĩnh vực nông nghiệp do sự nhạy cảm chính trị của lĩnh vực này và do tác động của việc vận động hành lang. Những ưu đãi được thực hiện bằng nhiều hình thức như hỗ trợ các nhà sản xuất nội địa, hạn ngạch xuất khẩu và các hàng rào phi thuế quan như hàng loạt các quy định về an toàn thực phẩm. Chẳng hạn, các nhà sản xuất nông nghiệp ở Mỹ, Nhật Bản và Hàn Quốc đã được nhận trợ cấp. Sự trợ cấp này có thể tăng lên nếu cuộc suy thoái toàn cầu tác động tiêu cực đến nguồn thu nhập của họ. Một cuộc suy thoái cũng có thể kích thích chính phủ các nước đẩy giá tăng cao một cách giả tạo: năm 2008, một số quốc gia châu Á đã hạn chế xuất khẩu gạo, đẩy giá loại hàng hoá này tăng khoảng 75%. Gần đây hơn, Ấn Độ định hạn chế xuất khẩu bông, buộc Mỹ phải đe dọa trả đũa thông qua WTO. Ngoài ra, cũng có những cuộc tranh luận liên quan đến giá của đồng nhân dân tệ Trung Quốc. Đây cũng là một trong những vấn đề gây tranh cãi kéo dài ở WTO và làm cho vòng đàm phán Doha vẫn dậm chân tại chỗ sau 10 năm đàm phán. Bước tiến đáng kể nhất của WTO trong năm 2011 là việc Hội nghị Bộ trưởng các nước thành viên

lần thứ 8 vào tháng 12 thông qua Hiệp định sửa đổi về mua sắm công và kết nạp thêm 4 thành viên mới là Nga, Montenegro, Samoa và Vanuatu, đưa tổng số thành viên lên 157.

Hình 3. Tăng trưởng xuất khẩu, 2005-2013 (%)

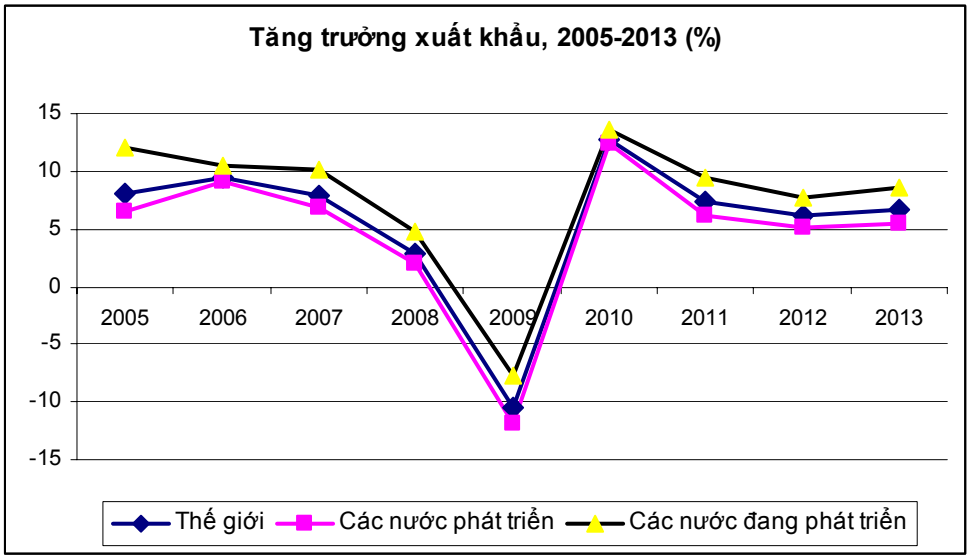

Nguồn: IMF, 2011.

Mặc dù có những lo ngại trên, nhưng cũng có nhiều lý do để tin rằng chủ nghĩa bảo hộ sẽ không gia tăng đến mức nguy hiểm. Thứ nhất, WTO sẽ hạn chế loại hình và quy mô của các rào cản thương mại. Thứ hai, xu hướng đồng quy các thoả thuận tự do thương mại (FTA) song phương và đa phương đang ngày càng tăng. Trong năm 2011, Quốc hội Mỹ đã thông qua FTA với Hàn Quốc, Panama và Colombia. Trong tháng 11/2011, 9 quốc gia, trong đó có Mỹ, đã cam kết thoả thuận khung cho hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), một hiệp định nhằm kích thích thương mại. Những động thái này cho thấy các nhà hoạch định chính sách đã ngày càng nhận thức rõ về sự phụ thuộc lẫn nhau của dây chuyền cung cấp và sự cần thiết phải kích thích nền kinh tế của mình bằng những biện pháp mang tính xây dựng khi viễn cảnh kinh tế toàn cầu xấu đi.

Hộp 1: Những nét chính của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)

Ngày 12/11, tại Honolulu thuộc bang Hawaii - Hoa Kỳ, các nhà lãnh đạo các nước Australia, Brunei, Chile, Malaysia, New Zealand, Peru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam đã công bố những nét chính của Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Thứ nhất, tiếp cận thị trường một cách toàn diện, theo đó thúc đẩy hàng hóa của các nước thành viên được tiếp cận thị trường của nhau một cách toàn diện và miễn thuế, các hạn chế về dịch vụ được đồng loạt xóa bỏ nhằm tạo ra những cơ hội mới cho người lao động và doanh nghiệp cũng như những lợi ích trực tiếp cho người tiêu dùng.

Thứ hai, xây dựng một hiệp định khu vực toàn diện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và phát triển chuỗi sản xuất và cung ứng giữa các thành viên TPP, hỗ trợ mục tiêu tạo việc làm, nâng cao mức sống và cải thiện phúc lợi tại các nước thành viên.

Thứ ba, hình thành khung hiệp định trên cơ sở những thỏa thuận đã thực hiện trong khuôn khổ Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) và các diễn đàn khác và bằng việc đưa vào TPP 4 vấn đề mới và mang tính xuyên suốt gồm: gắn kết môi trường chính sách, năng lực cạnh tranh và tạo thuận lợi cho kinh doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển.

Thứ tư, coi các vấn đề mới nổi lên trong thương mại toàn cầu như một phần của đàm phán TPP. Các công nghệ mới sẽ tạo ra những cơ hội mới cho thương mại và đầu tư giữa các thành viên, đồng thời cũng làm nảy sinh những vấn đề thương mại mới tiềm ẩn cần giải quyết để có thể thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ, đảm bảo tất cả các nền kinh tế các nước TPP đều được hưởng lợi. Ngoài ra, các vấn đề thương mại liên quan tới tăng trưởng xanh cũng được xem xét nhằm đảm bảo các nước TPP tiếp tục giữ vị trí tiên phong trong lĩnh vực này.

Thứ năm, xây dựng TPP thành một hiệp định mở. Các nhóm đàm phán TPP đang thiết lập một cấu trúc, thể chế và quy trình cho phép hiệp định này tiếp tục phát triển để đáp ứng những tiến triển mới trong thương mại, công nghệ hoặc các vấn đề và thách thức mới nổi khác.

Tuy nhiên, theo Pascal Lamy, Tổng giám đốc WTO, bảo hộ mậu dịch hiện nay trên thế giới như là một phản ứng chính trị đối với những khó khăn kinh tế trong nước mặc dù những khó khăn này không thể giải quyết bằng bảo hộ mậu dịch. [2] Các dấu hiệu khác nhau cho thấy sự phục hồi của xu thế bảo hộ mậu dịch trong chính sách công nghiệp để bảo vệ ngành công nghiệp trong nước hoặc sử dụng các biện pháp thay thế nhập khẩu để hỗ trợ chính sách này.

Tuy phần lớn các chính phủ vẫn hạn chế sử dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch nhưng xu thế này đang tăng lên trong năm 2011 thông qua việc áp đặt các hạn chế thương mại mới. Trong năm 2011, 339 biện pháp hạn chế thương mại mới, trong đó có nhiều biện pháp hạn chế mạnh hoặc làm biến dạng thương mại, đã được ghi nhận trong buôn bán quốc tế, tăng 53% so với năm 2010. Đáng chú ý là các biện pháp mới về hạn chế xuất khẩu tăng nhanh nhất tuy chỉ chiếm 19% trong tổng số các biện pháp hạn chế thương mại (WTO, 2011).

[2] http://www.wto.org/english/news_e/sppl_e/sppl205_e.htm

Các lĩnh vực thương mại bị tác động lớn nhất bởi các biện pháp mới hạn chế buôn bán là thép và các sản phẩm thép cơ bản, máy móc và thiết bị, hoá chất hữu cơ, sản phẩm thịt, các sản phẩm từ nhựa, thiết bị vận tải, ngũ cốc. Ở lĩnh vực dịch vụ, những biện pháp hạn chế thương mại áp đặt trong hai năm qua vẫn được duy trì.

Khó khăn trong huy động vốn toàn cầu

Tình trạng khó khăn về tài chính và những diễn biến khó lường của các thị trường đang là mối đe dọa tới sự ổn định của nhiều chính phủ, đặc biệt trong việc tìm đang cần tái tài trợ cho các khoản nợ. Tuy nhiên, chính phủ các nước rất khó có thể tìm được nguồn tài trợ cho năm tới, trong bối cảnh tình hình châu Âu và nền kinh tế toàn cầu ngày càng bất ổn hơn.

Theo OECD, tổng nhu cầu vay của chính phủ các nước thuộc OECD dự kiến là 10,4 nghìn tỷ USD trong năm 2011 và sẽ tăng lên 10,5 nghìn tỷ USD trong năm 2012 - tăng 1 nghìn tỷ USD so với năm 2007 và gần gấp đôi mức vay trong năm 2005. Điều này nhấn mạnh những nguy cơ đối với ngay cả những nền kinh tế phát triển nhất trong nhiều trường hợp, giống như Italia và Tây Ban Nha, khi thị trường tư nhân bị đóng cửa. OECD cho biết thêm các cổ phiếu của đợt phát hành nợ ngắn hạn trong khu vực OECD vẫn ở mức 44%, cao hơn nhiều so với trước khủng hoảng tài chính năm 2007. (OECD, 2011)

Dòng vốn tư nhân vào các thị trường mới nổi sau khi tăng mạnh năm 2010 đã gần như không thay đổi trong năm 2011, đặc biệt vào nửa cuối năm. Dòng vốn này chỉ đạt khoảng 1.035 nghìn tỷ USD trong năm 2011 so với mức 1.009 nghìn tỷ USD của năm 2010. Dự báo, năm 2012, con số này cũng sẽ không thay đổi nhiều. Trong đó, phần đầu tư trực tiếp (FDI) có xu hướng tăng lên và các nhà đầu tư vẫn tìm thấy các cơ hội kinh doanh tại các nền kinh tế mới nổi ở châu Á. Tuy nhiên, đầu tư gián tiếp sụt giảm mạnh trong năm nay bởi sự trì trệ của tất cả các thị trường chứng khoán trên toàn thế giới. Dự báo năm 2012, dòng vốn gián tiếp sẽ khởi sắc hơn, tăng mạnh so với năm 2011, đạt 129 nghìn tỷ USD nếu cuộc khủng hoảng nợ tài chính có giải pháp giải quyết. (IFF, 2011)

Hình 4. Dòng vốn tư nhân vào các thị trường mới nổi, 2003-2012

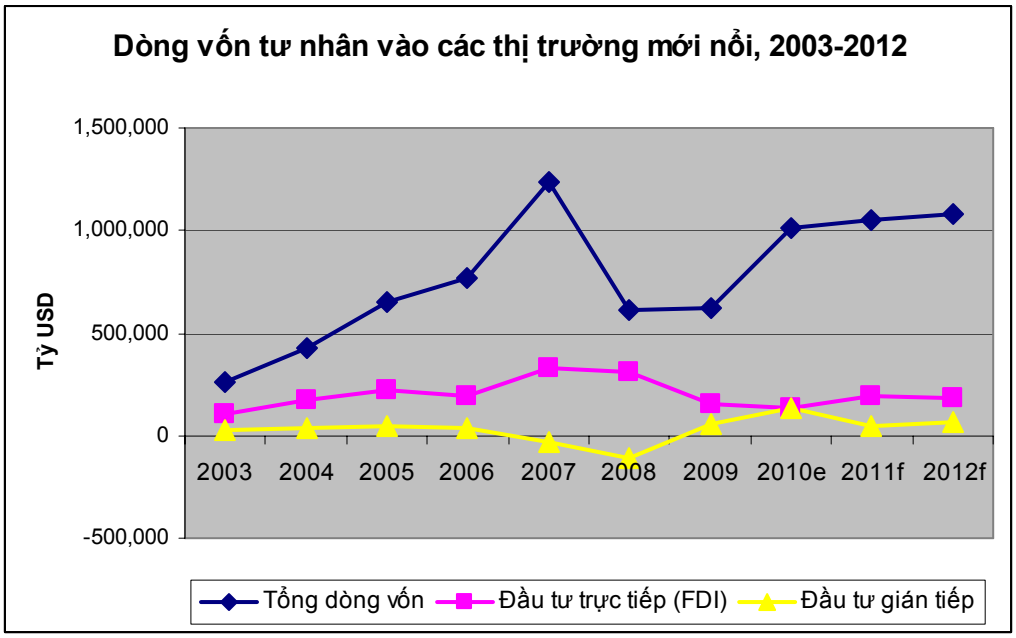

Nguồn: IIF, 2011.

Điểm sáng kiều hối toàn cầu

Bất chấp cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và triển vọng việc làm u ám đối với người nhập cư sau khi Mỹ và châu Âu thắt chặt quy định về vấn đề nhập cư, lao động di cư vẫn gửi rất nhiều tiền về cho người thân và gia đình tại quê hương. Theo Ngân hàng thế giới (WB, 2011b), ước tính lượng kiều hối toàn cầu tăng lên tới 406 tỷ USD năm 2011, trong đó riêng lượng kiều hối gửi về các nền kinh tế đang phát triển đã chạm ngưỡng 351 tỷ USD.

Lượng kiều hối chảy về nhóm các nền kinh tế đang phát triển vẫn khá ổn định và tăng mạnh trong năm 2011, lần tăng đầu tiên kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Một khi tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ tại nước nhận nguồn kiều hối gửi về thấp hơn so với đồng tiền tại nước mà lao động di cư đang làm việc, ví dụ so với đồng USD, thì người lao động tại Mỹ có thể gửi thêm nhiều tiền về quê hương. Đây chính là một nhân tố giải thích vì sao dòng kiều hối liên tục đổ về mạnh mẽ khi tỷ giá hối đoái có lợi.

Tăng trưởng kiều hối còn do một thực tế khác là một số quốc gia đang gửi lao động xuất khẩu sang nhiều địa điểm khác để đa dạng hóa thị trường lao động xuất khẩu. Ví dụ, trong khi lượng lao động xuất khẩu Philippin sang Mỹ và châu Âu sụt giảm, thì con số tương ứng tới khu vực châu Phi hay thị trường Trung Đông, đặc biệt là Arập Xêút và các Tiểu vương quốc Arập thống nhất, lại tăng mạnh. Ngoài ra, cuộc cách mạng Mùa Xuân Arập đã ảnh

hưởng tới nguồn kiều hối và một số thị trường vốn thu hút nhiều lao động xuất khẩu như Libi.

Bảng 3. Dòng kiều hối từ các nước đang phát triển, 2008-2013

	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Tỷ USD						
Tất cả các nước đang phát triển	325	308	325	349	375	404
Các nước kém phát triển	23	24	26	28	31	33
Các nước thu nhập trung bình thấp	22	23	24	27	29	32
Các nước thu nhập trung bình	303	285	300	321	345	372
Thế giới	444	417	440	468	499	536
Tốc độ tăng trưởng						
Các nước đang phát triển	16,8%	-5,4%	5,6%	7,3%	7,4%	7,9%
Thế giới	15,3%	-5,9%	5,4%	6,4%	6,7%	7,3%

Nguồn: Worl Bank (2011b).

Giá cả biến động và sức ép lạm phát

Điều dễ nhận thấy là sau hàng loạt các gói kích cầu được các nước đưa ra trong giai đoạn 2009-2010, các mặt hàng lương thực tăng giá muộn hơn nhiều so với các mặt hàng công nghiệp. Theo Ngân hàng thế giới (WB, 2011), giá thực phẩm toàn cầu không biến động nhiều những tháng đầu năm 2011 nhưng đến tháng 7/2011 cũng đã lên mức cao nhất trong vòng gần 3 năm qua. Chỉ số giá hàng hóa của IMF cho thấy giá năng lượng và giá dầu đã tăng hơn 20% trong 4 tháng đầu năm nhưng sau đó lại giảm xuống 11% từ giữa năm vì nền kinh tế thế giới bắt đầu tăng trưởng chậm lại và nhu cầu kỳ vọng giảm xuống. Tương tự, chỉ số giá thực phẩm và kim loại cũng giảm xuống từ giữa năm.

Thêm vào đó, tình trạng lũ lụt ở Thái Lan, Malaysia, Sri Lanka, Australia, thời tiết bất thường ở Mỹ và châu Âu, hạn hán ở các tỉnh miền Bắc Trung Quốc và mưa lạnh và bão tuyết nghiêm trọng ở miền Nam nước này là các yếu tố ảnh hưởng đến sản lượng nông nghiệp của thế giới năm 2011.

Sau một thời gian bình ổn trong năm 2009, giá dầu đã tăng trở lại trong năm 2010 do nền kinh tế thế giới phục hồi. Giá dầu thô tại thị trường Mỹ nửa đầu năm 2011 đã tăng 4,3% so với cuối năm 2010 và tăng 26,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá dầu thô bình quân toàn cầu

tăng 34,5% so với năm 2010 và dự kiến trong năm 2011 sẽ ở mức 106,3 USD/thùng (năm 2010 đạt 79,03 USD/thùng).... Điều này đồng nghĩa với chi phí vận chuyển tăng cao và đương nhiên sẽ kéo theo giá lương thực tăng.

Hình 5. Chỉ số giá cả, 2008-2011 (năm 2005=100)

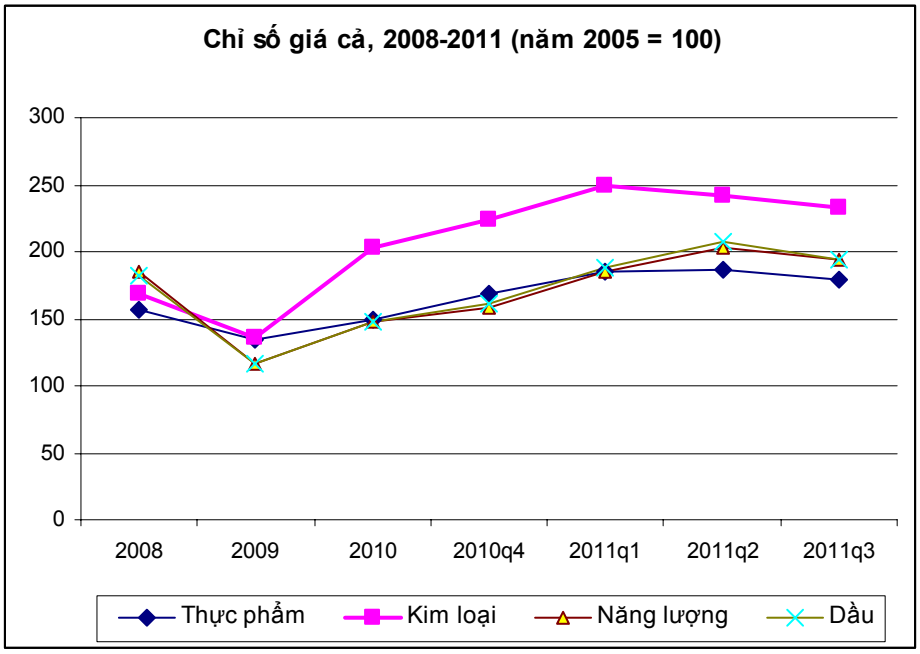

Nguồn: IMF, 2011

Đồng USD mất giá từ cuối năm 2010 cũng là một nguyên nhân đẩy giá lương thực, thực phẩm thế giới lên cao. Đây là hệ quả của các chính sách tài chính, tiền tệ nới lỏng và duy trì lãi suất thấp của nền kinh tế Mỹ. Theo thống kê của Reuters, trong 6 tháng đầu năm 2011, đồng USD giảm giá nhiều nhất so với đồng Euro (-7,77%), Đô la Úc (-4,8%), Bảng Anh (-2,79%) và các đồng tiền khu vực châu Á như Đô la Singapore (-4,27%), đồng Won Hàn Quốc (-4,84%)…

Hình 6. Chỉ số giá lương thực hàng năm (2002-2004=100)

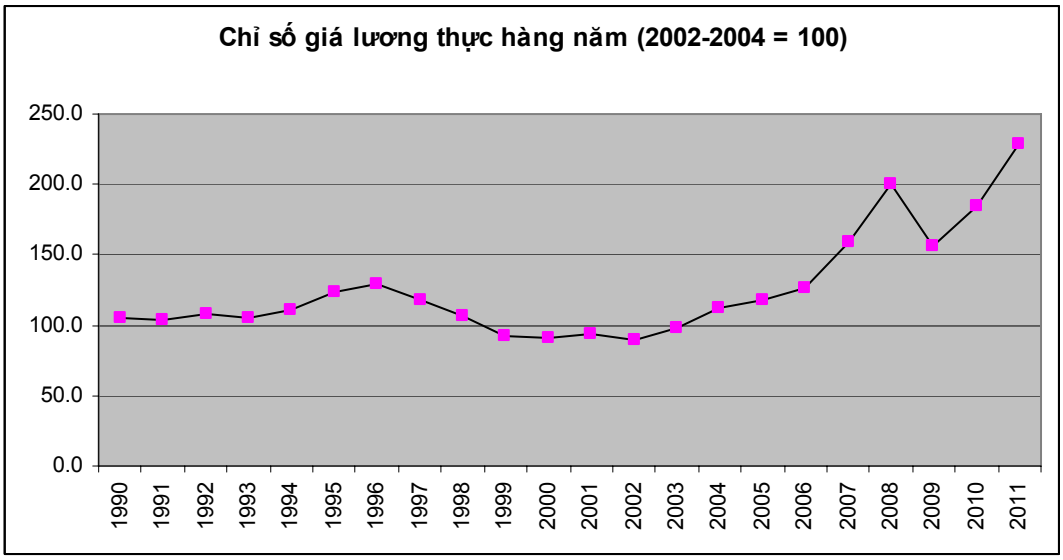

Nguồn: FAO, 2011.

Mức dự trữ thấp cũng là một trong những nguyên nhân đẩy giá lương thực thế giới leo thang. Từ tháng 4/2011, nguồn cung thực phẩm đã được cải thiện phần nào nhờ mùa vụ lúa mỳ tại Mỹ và châu Âu tốt lên và năng suất ngô tăng tại Argentina và Brazil gia tăng. Tuy nhiên, dự trữ lương thực thế giới hiện đang ở mức thấp nhất trong vòng gần 3 thập kỷ qua. Hiện tại dự trữ lương thực của toàn thế giới là 493,9 triệu tấn, con số tương đối cao so với sản lượng lương thực là 2.314,9 triệu tấn. Tuy nhiên, tỷ lệ lương thực dự trữ so với lương thực tiêu thụ đã giảm xuống còn 21% từ mức 30% của năm 2002 (FAO, 2011).

Giá lương thực tăng cao khiến cho lạm phát ở một số nước tăng mạnh. Điều này tạo ra mối lo ngại về tác động của việc giá cả nhiên liệu và thực phẩm đang tăng mạnh, làm lạm phát bùng lên ở nhiều nước. Đây là vấn đề đặc biệt "đau đầu" đối với các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh như Trung Quốc và Brazil, nhưng các nước phát triển cũng không tránh khỏi bị tác động. EIU dự báo lạm phát toàn cầu trong năm 2011 sẽ ở mức 3,3%.

Hình 7. Lạm phát ở một số quốc gia trên thế giới, 2011(%)

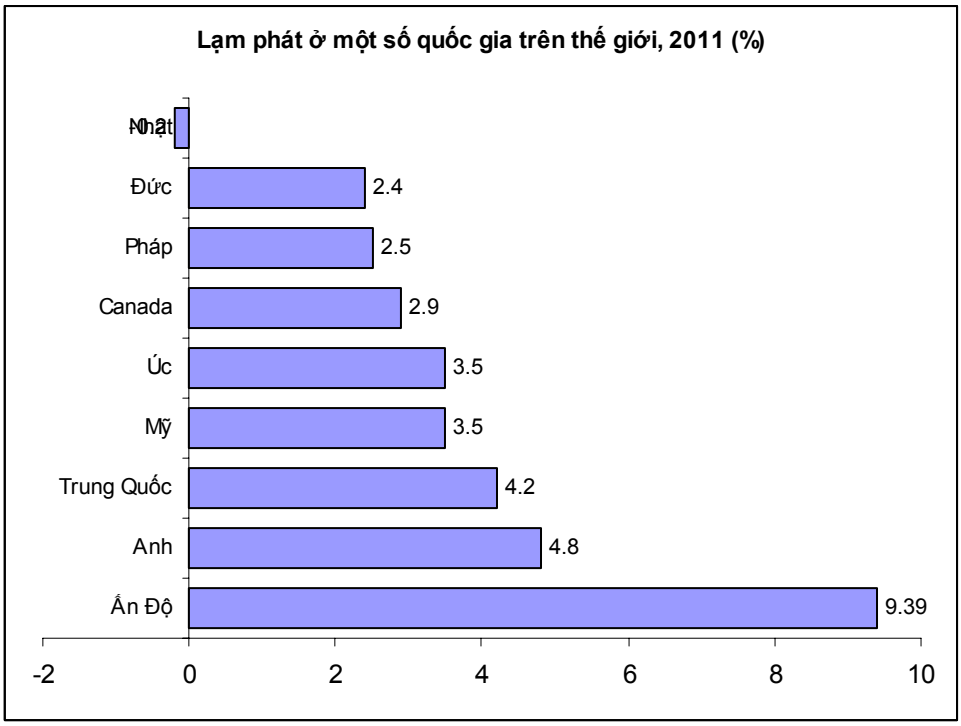

Nguồn: Tradingeconomics.com

Ngân hàng trung ương (NHTW) nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, đã điều chỉnh lãi suất chính sách theo chiều hướng tăng dần nhằm đối phó với áp lực lạm phát. Trong 6 tháng đầu năm 2011, NHTW Trung Quốc đã 3 lần tăng lãi suất chính sách lên đến mức hiện tại là 6,56% và 6 lần tăng tỉ lệ dự trữ bắt buộc với mức tăng 0,25%/lần lên mức hiện tại là 21,5% đối với ngân hàng lớn và 18% đối với ngân hàng nhỏ; NHTW Nga cũng nâng lãi suất chính sách từ mức 7,75%/năm lên 8%/năm; NHTW Ấn Độ nâng lãi suất từ mức 5,75% lên 6,25%/năm; Ngày 21/7/2011, Brazil cũng nâng LSCB lần thứ 5 trong năm lên mức 12,5%/năm; các NHTW trong khu vực ASEAN như NHTW Thái Lan đã điều chỉnh tăng lãi suất chính sách từ 2% lên mức hiện tại là 3%/năm; NHTW Philippines tăng từ 4,25%/năm lên 4,5%/năm, NHTW Malaysia tăng từ 2,75%/năm lên 3%/năm...

Hình 8. Lãi suất ở một số quốc gia trên thế giới, 2011(%)

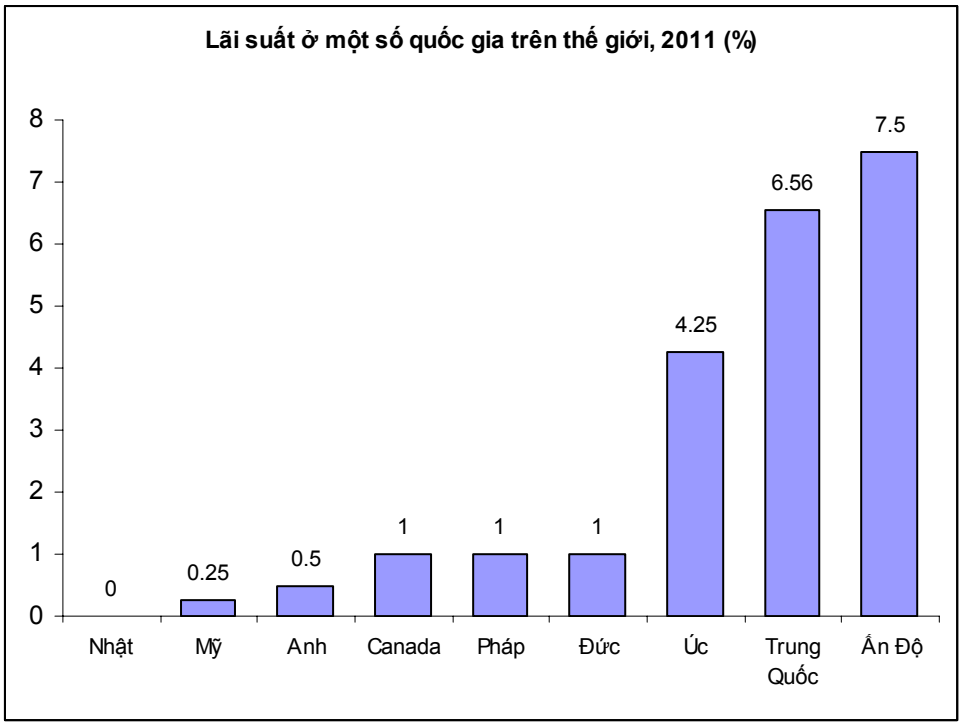

Nguồn: tradingeconomics.com

Một số nước phát triển cũng nâng lãi suất chính sách như NHTW Hàn Quốc đã hai lần nâng lãi suất chính sách lên mức hiện tại là 3,0%/năm, NHTW châu Âu (ECB) hai lần tăng lãi suất từ 1%/năm lên mức hiện tại 1,5%/năm. Tuy nhiên, chính phủ một số nước phát triển như Mỹ, Anh, Canada, Thụy Sỹ, Na Uy và Nhật Bản vẫn tiếp tục duy trì lãi suất cơ bản thấp như cuối năm 2010 để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Mất cân đối toàn cầu gia tăng

Trong năm 2011, các nỗ lực nhằm làm suy yếu tỷ giá hối đoái, hay định giá thấp đồng tiền của nhiều quốc gia, đã làm gia tăng thêm căng thẳng xung quanh sự bất cân bằng thương mại toàn cầu. Những căng thẳng liên quan đến tỷ giá hối đoái bắt nguồn từ sự bất cân bằng thương mại toàn cầu ngày càng tăng.

Cụ thể, Trung Quốc và một số nước xuất khẩu hàng đầu đang có mức thặng dư thương mại rất lớn, và được bù đắp bởi một mức thâm hụt tương ứng ở các nước khác, dẫn tới việc trữ lượng ngoại hối của các nước thặng dư thương mại ngày càng lớn. Những mất cân bằng này thể hiện một phần ở những sự không cân xứng của tỷ giá hối đoái. Sau cuộc khủng hoảng, triển vọng nhu cầu tiêu dùng yếu hơn tại một số nước thâm hụt thương mại đồng nghĩa với việc nhu cầu người tiêu dùng tại các nước thặng dư cần phải tăng để bù đắp nếu như tăng trưởng toàn cầu mạnh trở lại.

Hình 9. Cân đối tài khoản vãng lai, 2005-2013 (%GDP)

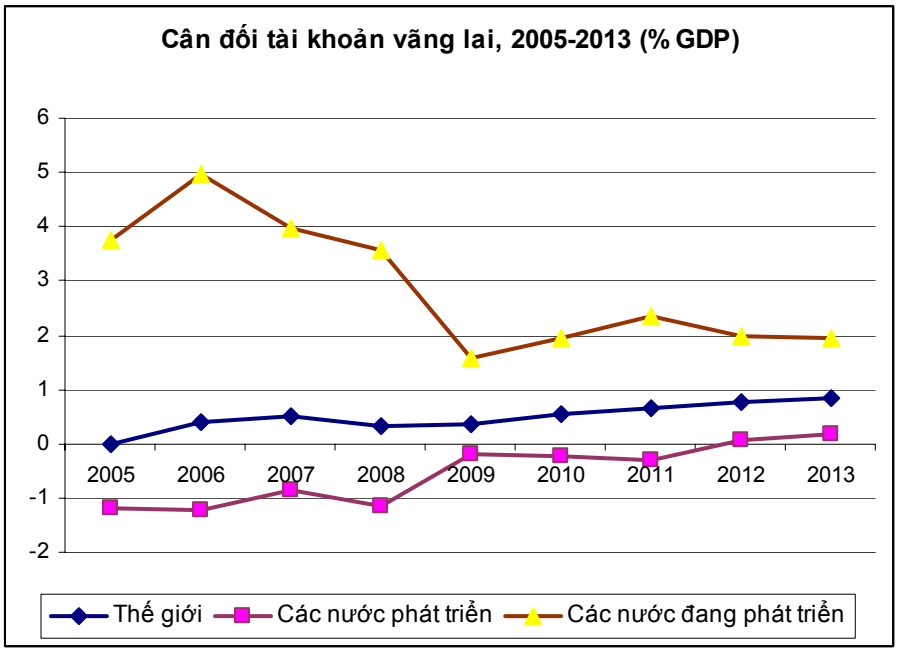

Nguồn: IMF (2011)

Hình 10. Cân bằng tài khoản vãng lai một số quốc gia, 2011 (% GDP)

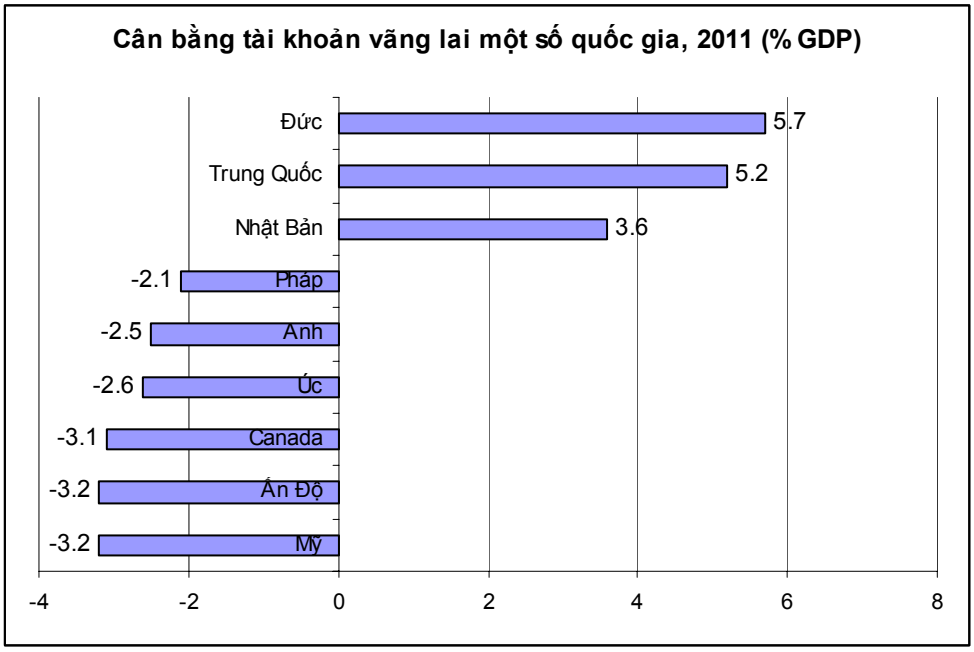

Nguồn: Tradingeconomics.com

Trong bối cảnh không có những thể chế điều hành toàn cầu hiệu quả, sự hợp tác quốc tế đối với vấn đề bất cân bằng toàn cầu và tỷ giá hối đoái ngày càng mờ nhạt. Dường như sự sẵn sàng hợp tác của các quốc gia, vốn rất mạnh mẽ trong thời kỳ cao trào của cuộc khủng hoảng, giờ đây không còn mạnh mẽ nữa.

Thất nghiệp tràn lan trên quy mô toàn cầu

Sự trì trệ trở lại của nền kinh tế toàn cầu đã bắt đầu tác động nghiêm trọng đến thị trường lao động. Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), vừa qua chỉ có 50% số việc làm cần thiết được tạo ra. Thị trường lao động tại các nước phát triển chỉ có thể trở lại mức trước khủng hoảng kinh tế toàn cầu sau ít nhất 5 năm nữa. Điều đó chỉ có thể xảy ra nếu nền kinh tế toàn cầu tạo ra khoảng 80 triệu việc làm trong hai năm tới (ILO, 2011).

Bảng 4. Dòng kiều hối từ các nước đang phát triển, 2008-2013

	2008	2009	2010	2011	2012
Các nền kinh tế phát triển	5,8	8,0	8,3	7,9	5,8
Mỹ	5,8	9,3	9,6	9,0	5,8
Khu vực Euro	7,7	9,6	10,1	9,9	7,7
Nhật	4,0	5,1	5,1	4,8	4,0
Anh	5,6	7,5	7,9	7,8	5,6
Canada	6,2	8,3	8,0	7,7	6,2
Hàn Quốc	3,2	3,7	3,7	3,3	3,2

Nguồn: IMF, 2011

Việc chính phủ nhiều quốc gia phải thực hiện các chính sách thắt chặt ngân sách với mục tiêu đối phó với khủng hoảng tài chính hiện hữu trong năm 2011 đã dẫn tới khủng hoảng việc làm với hơn 200 triệu người là nạn nhân. Theo Cơ quan thống kê của EU (Eurostat), tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone đã lên tới mức kỷ lục 10,2% trong tháng 9/2011, con số cao nhất kể từ tháng 6/2010. Tỷ lệ thất nghiệp được điều chỉnh theo mùa tại 17 nước sử dụng đồng Euro tăng so với mức 10,1% trong tháng 8, với gần 16,2 triệu người không có việc làm. Tây Ban Nha là nước có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất: 21,5%, tỷ lệ thấp nhất thuộc về Áo (4,3%) và Hà Lan (5,8%).

Hình 11. Tỷ lệ thất nghiệp tại các nước khu vực đồng euro, 2011 (%)

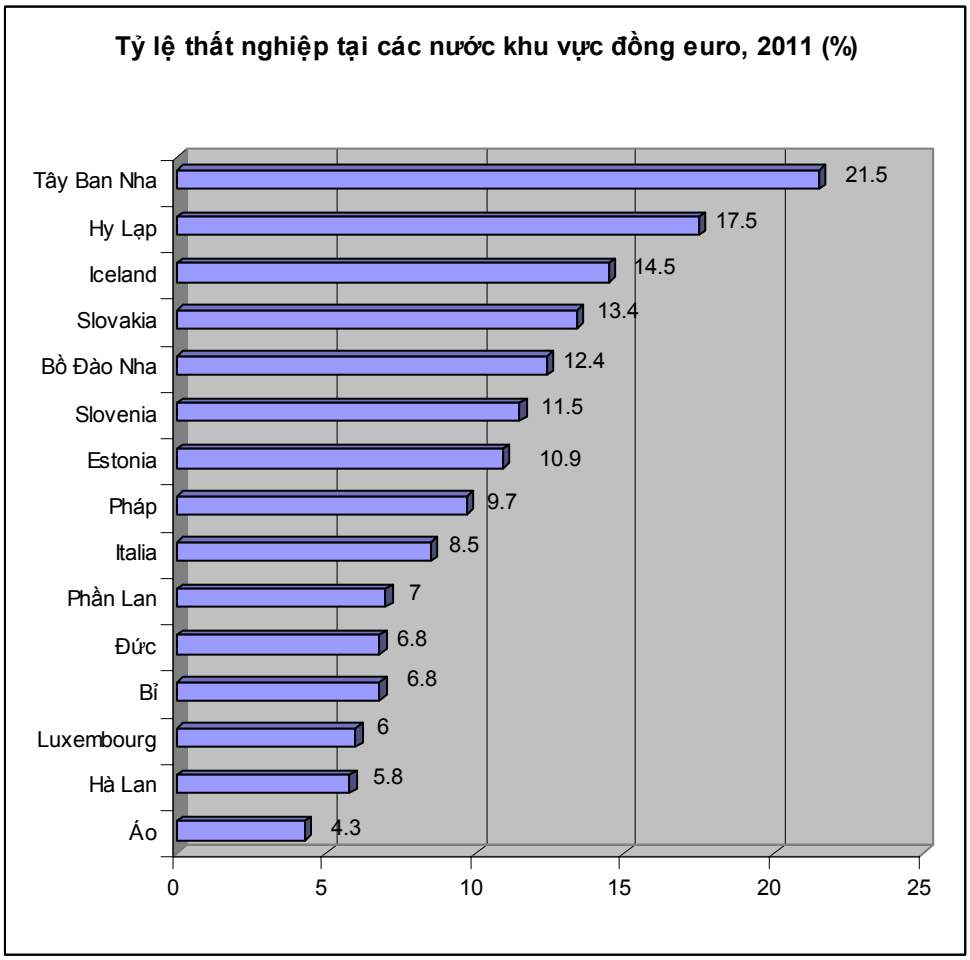

Nguồn: Eurostat

Thất nghiệp sẽ làm trì trệ hơn nữa tiến trình phục hồi kinh tế sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu và có thể làm bùng lên rối loạn xã hội hơn nữa ở một loạt nước. Phục hồi kinh tế trì trệ đã tác động nghiêm trọng đến các thị trường lao động, với 3 lý do chính: Một là so với thời kỳ bắt đầu khủng hoảng, các công ty nay đã ở vị thế yếu hơn rất nhiều để duy trì việc làm. Hai là khi sức ép thực hiện chính sách khắc khổ về tài chính tăng lên, các chính phủ không sốt sắng thúc đẩy các chương trình hỗ trợ thu nhập hoặc tạo việc làm mới. Ba là các nước phải hành động riêng rẽ vì thiếu sự phối hợp chính sách quốc tế.

Trong năm 2011, tỷ lệ thất nghiệp trên thế giới sẽ lên tới 7,4%, có nghĩa là thêm 59 triệu người lao động mất việc làm, đưa tổng số người thất nghiệp trên thế giới lên 239 triệu, lần đầu tiên vượt quá ngưỡng 7%. Tỷ lệ người nghèo và những người sống với chưa đầy 2 USD/ngày trên thế giới trong năm 2011 có thể tăng gần 200 triệu người so với năm 2007. Đồng thời, số người sống với 1,25 USD/ngày trên thế giới sẽ tăng 53 triệu.

Hình 12. Tỷ lệ thất nghiệp ở một số quốc gia, 2011 (%)

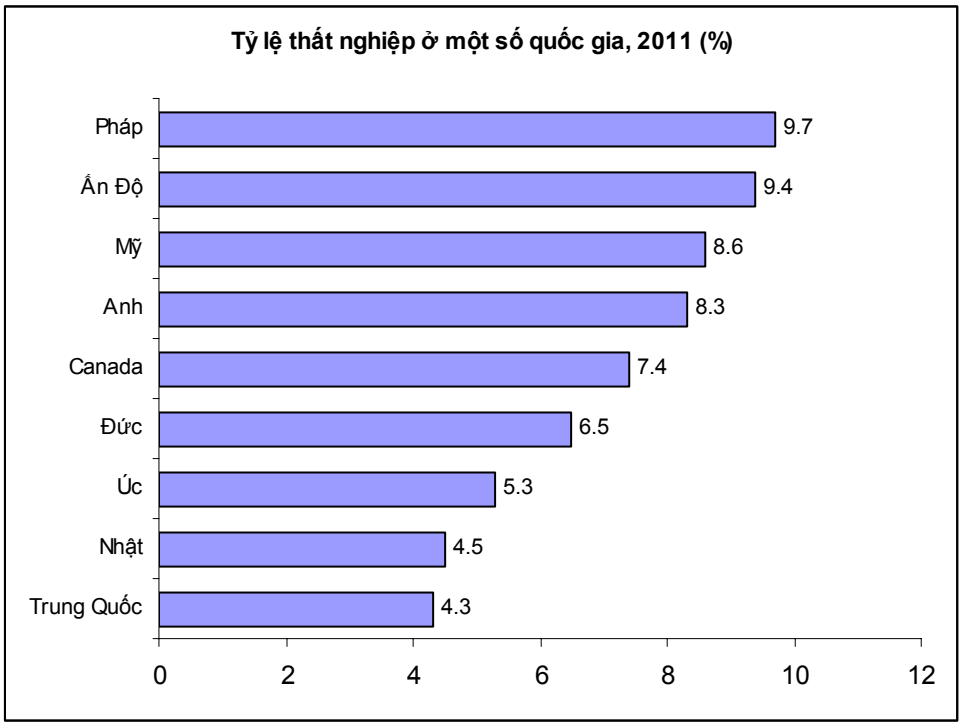

Nguồn: Tradingeconomics.com

Hộp 2. Hệ lụy của thất nghiệp toàn cầu

Trên quy mô toàn cầu, thiếu việc làm dẫn đến tình trạng hạn chế lao động nhập cư của các nước giàu. Bộ trưởng Nhập cư Anh Damian Green cho biết: "Chúng tôi muốn có những người thông minh nhất và giỏi nhất đến từ các nước không thuộc EU với những kỹ năng có thể mang lại lợi ích cho nước Anh". Điều này, về lâu dài, sẽ làm gia tăng chênh lệch về trình độ lao động giữa các nước phát triển và những nước nghèo. Một hiện tượng nguy hiểm nữa là thiếu việc làm còn dẫn đến tình trạng kỳ thị lao động nhập cư, gây nên sự xung đột giữa lao động bản địa và lao động nhập cư. Khi người biểu tình ở Anh xuống đường phản đối người lao động nước ngoài với khẩu hiệu "Việc làm ở Anh là dành cho người Anh", cựu Thủ tướng Anh Gordon Brown đã phải lên tiếng chỉ trích tư tưởng "bảo hộ việc làm" này của người lao động Anh.

Khủng hoảng niềm tin

Chỉ trong vòng hai tuần đầu tháng 8/2011, những nỗ lực kém hiệu quả trong việc ngăn chặn khủng hoảng nợ công ở châu Âu và việc Chính quyền Mỹ với Quốc hội không đạt được

thỏa thuận về lộ trình và liều lượng cắt giảm ngân sách khiến cho giới đầu tư mất niềm tin vào khả năng lãnh đạo và phối hợp chính sách kinh tế toàn cầu của nhiều quốc gia chủ chốt.

Sau khi Standard & Poor's (S&P) hạ bậc tín nhiệm tín dụng của Mỹ, giá trị cổ phiếu ngân hàng Mỹ đã suy giảm nhanh chóng, tạo ra một hiệu ứng domino lan rộng ra các thị trường châu Âu và châu Á. Cuối tháng 11/2011, S&P lại tiếp tục hạ mức xếp hạng tín dụng dài hạn đối với 15 ngân hàng trên thế giới trong đó có các ngân hàng của Mỹ (như Citigroup, Goldman Sachs, Well Fargo, JP Morgan, Chase, Morgan Stanley, Bank of America) và của Anh (như Barclays, HSBC, Lloyds, RBS.)

Tại châu Âu, khủng hoảng nợ công và tình hình kinh tế khó khăn đã dẫn tới sự sụp đổ liên tiếp của ba chính phủ Hy Lạp, Italia và Tây Ban Nha ngay trong tháng 11/2011. Thủ tướng Hy Lạp George Papandreous và Thủ tướng Italia Silvio Belusconi đều tuyên bố tức chức trong tháng 11/2011 vì các vướng mắc liên quan tới khủng hoảng nợ công và khó khăn kinh tế trong nước. Tại Tây Ban Nha, Đảng Nhân dân của ông Mariano Rajoy đã chiến thắng áp đảo tại cuộc bầu cử, đánh dấu sự sụp đổ của chính phủ do Đảng Xã hội cầm quyền.

Hộp 3: Người lao động châu Âu phản đối cắt giảm đầu tư công

Theo kêu gọi của Liên minh các nghiệp đoàn châu Âu (CES), hàng chục nghìn người từ 30 nước hôm 29/9/2011 đã tham gia cuộc tuần hành lớn trên các đường phố Brussels (Bỉ), thủ đô của Liên minh châu Âu (EU). Hơn 100.000 người đến từ 30 nước tham gia cuộc biểu tình này để gửi thông điệp đến tất cả các chính phủ đang chuẩn bị cắt giảm ngân sách trong thời kỳ kinh tế suy thoái. Một phái đoàn đại diện cho các nghiệp đoàn châu Âu đã gặp Thủ tướng Bỉ Yves Leterme và Chủ tịch Ủy ban châu Âu (EC) José-Manuel Barroso để đưa các kiến nghị phản đối những biện pháp kinh tế khắc khổ như cắt giảm ngân sách, tăng thuế, giảm lương hưu... được chính phủ nhiều nước châu Âu áp dụng. Đây là cuộc biểu tình lớn nhất tại Brussels kể từ tháng 12/2001 khi CES huy động được 80.000 người tham gia, với mục tiêu đòi hỏi xác lập một châu Âu "mang tính xã hội hơn".

Không chỉ tại Brussels, trên khắp châu Âu diễn ra các cuộc biểu tình để đáp lại lời kêu gọi của CES. Các cuộc biểu tình phản đối diễn ra tại nhiều thành phố ở Ba Lan, Tây Ban Nha, Anh, Hungari, Bồ Đào Nha, Ireland, Hy Lạp, Hà Lan, Italia,... khiến sinh hoạt bị đảo lộn, hoạt động giao thông công cộng bị đình trệ.

Hàng vạn người tham gia biểu tình đã làm náo loạn đường phố thủ đô Vácsava của Ba Lan với tiếng kèn, trống và khẩu hiệu "nói không với cắt giảm, nói có với sự phát triển", yêu cầu bảo đảm việc làm và tăng mức lương tối thiểu, phản đối việc "đóng băng" lương ở khu

vực công và phản đối việc tăng thuế giá trị gia tăng do Chính phủ đệ trình trong dự án ngân sách 2011.

Tại Tây Ban Nha, người biểu tình đã đốt lửa để chặn một đường cao tốc tại Vigo. Đụng độ đã xảy ra giữa những người biểu tình và cảnh sát tại thủ đô Madrid. Các công đoàn đại diện cho hơn 2 triệu công nhân bắt đầu một cuộc tổng đình công gây hỗn loạn giao thông, khiến việc đi lại bằng đường hàng không gần như tê liệt.

Tại Anh, khoảng 35.000 người đã đổ ra các đường phố tại thành phố Manchester để tham gia cuộc biểu tình phản đối việc cắt giảm ngân sách do Trung tâm Nghiệp đoàn (TUC) tổ chức. Các cuộc tuần hành và biểu tình diễn ra trong bối cảnh Chính phủ liên minh giữa Đảng Bảo thủ của Thủ tướng David Cameron và Đảng Dân chủ Tự do đã cam kết cân bằng ngân sách của Anh trước năm 2015.

Tại Bồ Đào Nha, gần 200.000 người đã xuống đường biểu tình phản đối chính sách "thắt lưng buộc bụng" mà Chính phủ nước này áp dụng nhằm giảm thâm hụt ngân sách. Những người biểu tình đã giương cao các biểu ngữ với nội dung phản đối tăng giá, cắt giảm dịch vụ y tế, phản đối sự can thiệp của IMF và cải thiện điều kiện lao động...

Tại Hungari, ít nhất 50.000 người đã tham gia biểu tình suốt 3 ngày qua tại thủ đô Budapest. Những người biểu tình đề nghị Chính phủ ngừng thực thi các biện pháp kinh tế khắc khổ và chấm dứt việc cắt giảm một số quyền lợi của người lao động, bảo đảm chế độ lương hưu cho những người nghỉ hưu sớm, đặc biệt là giới nhân viên công lực.

Ngày 29/9 được coi là "Ngày hành động" với các nghiệp đoàn EU, còn với các chính phủ thì đây lại là ngày "Ngày cần kiệm, khắc khổ". Kể từ khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu cuối năm 2008, hàng triệu người làm công ở EU đã mất việc làm.

Tại Mỹ, phong trào Chiếm phố Wall bùng phát từ New York vào tháng 9/2011, sau đó lan rộng ra hầu khắp nước Mỹ và lôi kéo nhiều thành phần xã hội. Phong trào "Chiếm Phố Wall" bởi đã lan tới 951 thành phố ở 82 quốc gia trên thế giới với khẩu hiệu "Đoàn kết vì một sự thay đổi toàn cầu". Ngày 15/11/2011, cảnh sát và lính cứu hỏa đã dùng vòi rồng giải tán đoàn người biểu tình và bắt đi hàng trăm người ở Mỹ. Nhưng điều đó chắc chắn không thể giải quyết được vấn đề "chúng ta thuộc 99%" mà những người biểu tình ghi trên băng rôn để ám chỉ rằng hiện tại 99% người lao động phải làm việc để phục vụ cho 1% số người giàu nhất thế giới.

Việc mất niềm tin còn xuất phát tự các động thái chính sách tài chính tiền tệ diễn biến trái chiều và thiếu sự phối hợp. Trong khi các nền kinh tế phát triển vẫn duy trì chính sách lãi suất cơ bản ở mức thấp để kích thích tăng trưởng, thì các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển phải quyết liệt thực thi chính sách tiền tệ và tài khóa thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát. Xu hướng chính sách trái chiều đã kích hoạt dòng vốn nóng tại các thị trường mới nổi, tạo ra một làn sóng ồ ạt tràn vào cuối năm 2010 và rút đi trong những tháng đầu năm 2011.

Thêm vào đó, bóng đen của cuộc chiến tiền tệ vẫn tiếp tục bao trùm, đặc biệt giữa hai nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc. Trung Quốc tiếp tục bị chỉ trích là đã hạn chế đồng Nhân dân tệ tăng giá. Đầu tháng 10/2011, Tổng thống Mỹ B. Obama đã nhận định rằng Trung Quốc đang giảm giá đồng nhân dân tệ, kích thích xuất khẩu trong nước và gây phương hại cho các doanh nghiệp Mỹ. Trước đó, Thượng viện Mỹ cũng đã phê chuẩn các thủ tục cần thiết để ban hành một dự luật nhằm trả đũa các hành vi "thao túng tiền tệ" của Trung Quốc. Điều này đã tiếp tục dẫn tới cuộc khẩu chiến về vấn đề tiền tệ giữa hai nước.[3]

"Cơn bạo bệnh" nợ công của châu Âu

Cuộc khủng hoảng nợ châu Âu đã cho thế giới một bài học tốt về cái giá nặng nề phải trả cho sự hội nhập tiền tệ chưa chín muồi. EU đã từng được ca ngợi là ví dụ tiên tiến nhất của hội nhập khu vực với việc đạt được sự thống nhất về tiền tệ và kinh tế, đặc trưng bởi việc các nước thành viên chấp nhận đồng tiền chung euro. Tuy nhiên, cái giá phải trả cho việc sử dụng chung đồng euro là ngân hàng trung ương các nước trong liên minh tiền tệ châu Âu không còn có quyền điều tiết chính sách, nói cách khác mất đi chủ quyền tiền tệ quốc gia. Một chính sách tiền tệ tích hợp không phải là lý tưởng khi các nước thành viên có tỷ lệ lạm phát khác nhau và phải tuân theo chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương siêu quốc gia, mà ở đây chính là ECB.

Năm 2011, cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu diễn biến hết sức phức tạp. Sau khi từ Hy Lạp lan sang Ireland và Bồ Đào Nha, "bệnh nợ công" đã tấn công những nền kinh tế chủ chốt của Khu vực đồng euro là Pháp, Italy và Tây Ban Nha. Sự trợ giúp của IMF chưa đủ để dập tắt nguy cơ khủng hoảng nợ công biến thành khủng hoảng xã hội và thể chế trong khu vực.

Vào những ngày cuối năm, các nhà lãnh đạo khu vực đã phải gia tăng nỗ lực và có những hành động mang tính quyết định nhằm tránh nguy cơ để "căn bệnh nợ công" châu Âu đẩy thế giới vào một cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế mới.

[3] http://vnexpress.net/gl/the-gioi/2011/11/my-trung-khau-chien-vi-tien/

Cuộc khủng hoảng nợ công trở thành một mối đe dọa cho sự tồn tại của các thể chế ở châu Âu. Hiệp ước Lisbon đang bị yêu cầu phải xem xét lại cho dù EU đã phải mất rất nhiều công sức mới đạt được sự đồng thuận về văn bản pháp lý này. Thủ tướng Pháp Sarkozy đã nhận định về một Liên minh châu Âu với hai tốc độ: "Hiện rõ ràng đang có hai châu Âu. Một châu Âu muốn có sự đoàn kết hơn nữa giữa các thành viên, cũng như có nhiều điều chỉnh hơn. Châu Âu còn lại chỉ muốn bám chặt vào logic thị trường."[4]

Ngoài ra, cũng có ý kiến đề nghị cải tổ Ủy ban châu Âu (EC), cơ quan lập pháp của EU, và tăng thêm quyền lực cho Hội đồng châu Âu như một người cầm lái có khả năng tiên lượng, quyết định và can dự nhằm giải quyết tốt hơn mọi cuộc khủng hoảng có thể xảy ra. Trước những nguy cơ hiện hữu trên, EU đã mở rộng quy mô và quyền hạn cho Quỹ bình ổn tài chính châu Âu (EFSF) nhằm dựng "bức tường lửa" ngăn chặn bệnh nợ công lan rộng và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã mua trái phiếu chính phủ của những nước gặp khó khăn về tài chính.

Tuy nhiên, vấn đề của EU còn nằm chỗ hệ thống ngân hàng, đặc biệt là Pháp và Đức, trở nên mong manh với các món nợ lớn của các nước châu Âu khác, làm giảm khả năng tiếp tục cho vay và tăng khả năng sụp đổ các ngân hàng.

Bảng 5: Nợ của nhóm GIIPS*, tính đến tháng 6/2011 (triệu USD)

Nhóm nước vay	Nhóm ngân hàng cho vay		
	Pháp	**Đức**	**Anh**
Hy Lạp			
Nợ công	10.686	12.411	3.251
Các ngân hàng	1.586	1.842	1.052
Khu vực tư nhân phi ngân hàng	43.470	7.119	8.339
Ireland			
Nợ công	2.896	3.470	3.709
Các ngân hàng	9.841	21.532	16.868
Khu vực tư nhân phi ngân hàng	19.278	85.507	
Italia			
Nợ công	106.764	47.624	17.430
Các ngân hàng	44.657	48.338	8.898
Khu vực tư nhân phi ngân hàng	264.952	65.795	47.391

[4] http://www.vietnamplus.vn/Home/Tong-thong-Phap-thua-nhan-ve-mot-EU-2-toc-do/201112/117159.vnplus

Bồ Đào Nha			
Nợ công	6.153	8.978	1.859
Các ngân hàng	6.170	12.554	3.958
Khu vực tư nhân phi ngân hàng	13.339	14.320	19.622
Tây Ban Nha			
Nợ công	30.492	29.454	7.638
Các ngân hàng	38.616	69.144	17.980
Khu vực tư nhân phi ngân hàng	81.784	78.867	75.263

*GIIPS= Greece (Hy Lạp), Ireland, Italy, Portugal (Bồ Đào Nha) và Spain (Tây Ban Nha)

Nguồn: Bank for International Settlements.

Thêm vào đó, lòng tin đối với các ngân hàng châu Âu ngày càng giảm sút, đặc biệt là sau khi Pháp và Bỉ phải cứu Ngân hàng Dexia, vốn được xếp thứ 12 trong số các ngân hàng hoạt động tốt nhất sau stress test của European Banking Authority. Nỗi lo lắng về sức khỏe của các ngân hàng châu Âu đã dẫn tới hàng loạt các ngân hàng của khu vực bị hạ điểm, càng làm cho niềm tin của các nhà đầu tư giảm đi. Hệ quả là việc thu hút vốn của các ngân hàng châu Âu lại càng gặp khó khăn, từ đó tài sản của các ngân hàng lại giảm xuống vì cho vay khó khăn hơn, tạo thêm trở ngại cho tăng trưởng kinh tế.

Bảng 6: Số lượng các ngân hàng châu Âu bị tụt hạng dài hạn[1]

Nước	Số ngân hàng bị tụt hạng	Tỷ lệ so với số ngân hàng được xếp hạng (%)	Tổng tài sản của các ngân hàng bị tụt hạng (tỷ USD)	Tỷ lệ so với tổng tài sản của các ngân hàng được xếp hạng (%)
Áo	1	25	275	34,2
Bỉ	6	100	2.560	100
Phần Lan	2	100	494	100
Pháp	13	61,9	11.935	76,7
Đức	17	65,4	7.609	64,7
Hy Lạp	4	100	444	100
Ireland	6	100	1.285	100
Italy	10	100	3.603	100
Hà Lan	6	75	4.341	90,6
Bồ Đào Nha	2	100	302	100
Tây Ban Nha	10	76,9	3.859	87,2

[1] Theo đánh giá của Fitch Ratings tháng 10/2011 dựa trên 300 ngân hàng lớn nhất

châu Âu theo tổng tài sản bằng đô la Mỹ.

Nguồn: ADB, 2011.

Hội nghị thượng đỉnh vừa qua của Liên minh châu Âu (EU) đã đưa ra một hiệp ước tài chính mới nhằm siết chặt kỷ luật về ngân sách, với mục tiêu tránh lặp lại khủng hoảng nợ công và tăng cường sự hội nhập bên trong khu vực. Tuy nhiên, ý tưởng về việc khống chế thâm hụt cơ cấu hàng năm ở mức trần 0,5% GDP gây ra nhiều tranh luận về tính khả thi của nó bởi vì thâm hụt cơ cấu là một khái niệm không thể đo lường chính xác mà chỉ có thể dự tính thông qua các mô hình kinh tế, con số phải được lượng hóa một cách không thể gây tranh cãi. Thêm vào đó, yêu cầu về việc các nước muốn sử dụng công cụ kích cầu tài chính trong các chu kỳ suy thoái trong tương lai phải có thặng dư ngân sách lớn trong suốt chu kỳ trước đó là quá khắc nghiệt và cũng phi thực tế. Do đó, dù điều này có quy định thành luật hay không, các nước cũng khó có thể tuân thủ.

Liệu châu Âu sẽ huy động tiền từ đâu cho việc thực hiện các cam kết? Ngay cả với bản thân nước Đức, mức đóng góp của nước này cho các khoản vay dành cho IMF cũng chưa được ấn định. Trong khi đó, ngày 12/9 Mỹ đã tuyên bố sẽ không góp thêm tiền để giải cứu các quốc gia châu Âu, do cho rằng quỹ này đã được cung cấp đủ tiền và bản thân châu Âu cũng có đủ các nguồn lực tài chính để tự giải quyết các khó khăn của mình. Đề xuất phát hành trái phiếu chung cũng đã bị đưa ra khỏi chương trình nghị sự.

Hơn nữa, đây là những biện pháp mang tính dài hạn, không thể giải quyết được cuộc khủng hoảng ngay trước mắt. Những quy định mới sẽ không giúp các nước như Italia, Hy Lạp và Tây Ban Nha giảm nợ ngay, khi chi phí vay mượn của các nước này đã tiến gần đến mức được coi là "không thể chịu đựng được".

Mặc dù tạm thời dịu bớt nhờ sự viện trợ tích cực của EU và IMF, nhưng cuộc khủng hoảng nợ công kéo dài tại các nước Hy Lạp, Ireland và Bồ Đào Nha vẫn chưa được giải quyết về căn bản. Căn nguyên của khủng hoảng nợ ở Eurozone nằm ở chỗ khối này là sự kết hợp của các quốc gia có thực lực kinh tế, trình độ phát triển, tình hình tài chính rất khác nhau. Việc các quốc gia buộc phải áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt để đối phó với khủng hoảng nợ lại càng làm cho sự khác biệt này thêm nghiêm trọng. Rõ ràng là trong một thời gian ngắn sẽ không thể thu hẹp được khoảng cách này giữa các nước thành viên.

So với các lựa chọn như để Eurozone tan rã hay tiếp tục tung tiền ra cứu các nền kinh tế gặp khó khăn thì đề xuất mà Đức đưa ra có thể coi là khả dĩ nhất. Theo đề xuất này, kỷ luật ngân sách sẽ được thắt chặt trên cơ sở duy trì áp lực "cây gậy và củ cà rốt". Giải pháp này cũng không thể giải quyết được hết mọi vấn đề và sẽ phụ thuộc vào quyết tâm chính trị của

một số nước. Trong khi đó, các quy định chặt chẽ về ngân sách và nợ công sẽ phản tác dụng nếu nó làm tăng thuế, "bóp chết" tăng trưởng.

Hộp 4. Những hậu quả nghiêm trọng nếu Eurozone tan rã

Thời báo Tài chính (Anh) cho rằng nếu khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) tan vỡ, ngay cả trong trường hợp chỉ có một thành viên yếu nhất phải rời khỏi nhóm, thì hậu quả cũng đủ lớn để gây ra sự hỗn loạn.

Eurozone sẽ không thể có một kịch bản tan rã trong trật tự, trong đó các thành viên dần dần từ bỏ cam kết chính trị, kinh tế và pháp lý. Tan rã một phần hay toàn bộ đều sẽ dẫn tới một cuộc vỡ nợ hỗn loạn ở các nước "ngoại vi" có thâm hụt ngân sách lớn, nơi đồng tiền mất giá nhanh chóng và các ngân hàng phá sản. Nếu Tây Ban Nha và Italia rút lui, sẽ xảy ra một cuộc đổ vỡ hệ thống trong các tổ chức tài chính lớn ở khắp châu Âu và Bắc Mỹ, sau đó sẽ là suy thoái toàn cầu kéo dài.

Nếu diễn ra kịch bản một thành viên yếu nhất của Eurozone là Hy Lạp buộc phải rời khỏi nhóm (nguy cơ này hiện vào khoảng 20-25%). Các cam kết kinh tế, bao gồm tiết kiệm tại ngân hàng, nợ chính phủ, lương công nhân sẽ phải tính lại bằng đồng Drachma và đồng tiền này sẽ mất giá khoảng 65%. Ngay khi lộ diện kịch bản Hy Lạp rút lui, các nhà đầu tư sẽ rút tiền khỏi ngân hàng và các khoản vay mới của Chính phủ này sẽ bị đình lại. Thậm chí trước khi Hy Lạp rút khỏi Eurozone, Chính phủ và các ngân hàng nước này cũng sẽ vỡ nợ bởi không ai còn muốn cho họ vay. Sau khi Hy Lạp rút lui, các hợp đồng tài chính dựa trên luật pháp quốc tế sẽ vẫn được tính bằng đồng euro. Hậu quả là mọi sổ sách sẽ phải tính lại. Tình trạng vỡ nợ và phá sản sẽ lan tràn. Kinh tế Hy Lạp sẽ sụp đổ khi tổng cung và tổng cầu cùng lao dốc.

Nếu Hy Lạp được cứu vớt qua cơn bão khủng hoảng, nguy cơ vỡ nợ của các thành viên khác giảm xuống rất nhiều. Nhưng nếu Hy Lạp không trụ được do các thành viên còn lại của Eurozone và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) không ra tay cứu giúp, thị trường sẽ theo dõi xem ai sẽ là thành viên tiếp theo phải ra đi. Không còn ai muốn cho chính phủ, ngân hàng và các doanh nghiệp nước này vay vốn nữa. Chỉ cần tin đồn cũng có thể buộc một thành viên Eurozone phải rời khỏi nhóm. Hậu quả sẽ lan sang các thành viên "có vấn đề" như Bồ Đào Nha, Ireland, Tây Ban Nha và Italia, sau đó bắt đầu tấn công các thành viên khỏe hơn như Bỉ, Áo và Pháp.

Nếu chỉ bị mất mắt xích Hy Lạp, Eurozone có thể kiểm soát được tình hình, do thành viên này chỉ chiếm 2,2% tổng GDP và 4% tổng nợ công của cả nhóm. Tuy nhiên, nếu Italia

bị vỡ nợ trong hỗn loạn và buộc phải rời khỏi Eurozone, phần lớn hệ thống ngân hàng của cả châu Âu sẽ sụp đổ. Còn một cuộc vỡ nợ và tách nhóm của 5 thành viên GIIPS hiện nay (nguy cơ là 5%) sẽ kéo sập không chỉ hệ thống ngân hàng của châu Âu mà cả của Mỹ, và đặt nhiều ngân hàng khắp nơi trên thế giới vào "vùng nguy hiểm". Hậu quả của cuộc khủng hoảng ngân hàng này sẽ là nhiều năm suy thoái kinh tế toàn cầu, với GDP giảm hơn 10% và thất nghiệp ở phương Tây lên trên 20%. Các thị trường mới nổi cũng bị kéo thụt lùi. Tình huống tách nhóm của Đức hoặc của các thành viên "khỏe" khác sẽ để hậu họa lớn hơn nhiều. Khả năng này là rất thấp, dưới 3%. Khi đó, Đức và các thành viên cốt lõi khác của Eurozone sẽ sử dụng đồng mark mới. Chính phủ của các nền kinh tế GIIPS sẽ vỡ nợ, trong khi đồng mark mới lên giá mạnh. Các ngân hàng và tổ chức tài chính của khu vực tiền tệ mới phải chịu những tổn thất nặng. Khi không còn gì kết nối, phần còn lại của Eurozone sẽ tự tan rã và hình thành 11 đồng tiền mới. Hiệu lực pháp lý và kinh tế của các giao kết kinh tế bằng đồng euro sẽ chấm dứt. Lúc đó, mọi thành viên cũ của Eurozone đều sẽ yếu đi.

TÌNH HÌNH MỘT SỐ NỀN KINH TẾ VÀ KHU VỰC

Mỹ: Tăng trưởng chậm lại và ở mức thấp

Tăng trưởng của Mỹ đã chậm lại so với năm 2010, chỉ đạt 2% trong quý III, cao hơn so với mức 1% của quý II nhưng chắc chắn sẽ thấp hơn mức năm 2010. Mức tăng trưởng này chủ yếu là do tăng trưởng tiêu dùng cá nhân vào những tháng cuối năm, nhưng cũng chỉ đủ để giảm mức thất nghiệp 0,4 điểm phần trăm xuống 8,6% trong tháng 11. Như vậy, cả năm 2011, mức thất nghiệp của Mỹ sẽ vẫn ở mức cao, trên 8%. Ước tính để giảm được 1% mức thất nghiệp, nước Mỹ cần phải có mức tăng trưởng 3,5% một năm.

Hình 13. Tăng trưởng GDP của Mỹ, 2008-2011 (%)

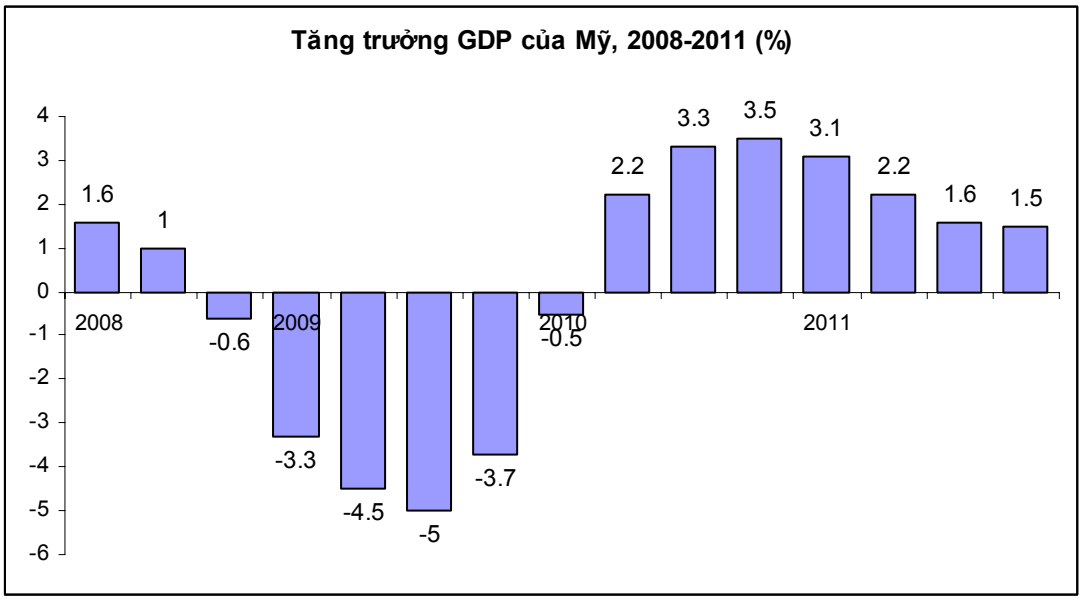

Nguồn: Department of Commerce, BEA.

Theo Bộ Thương mại Mỹ, tốc độ tăng trưởng GDP của Mỹ năm 2011 dự kiến đạt khoảng trên 2% có nghĩa là nền kinh tế đang phát triển yếu ớt.5 Mức tăng trưởng thấp của Mỹ trong năm 2011 chủ yếu là do chi tiêu tiêu dùng chỉ tăng lên chậm chạp và mức thất nghiệp không được cải thiện. Trong điều kiện mức thất nghiệp không được cải thiện thì khó có thể tăng được tiêu dùng, để từ đó thúc đẩy tăng trưởng bởi tiêu dùng chiếm tới hơn 70% GDP của Mỹ.

Gói kích thích mới "Operation Twist" được Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đưa ra vào cuối tháng 9/2011 nhằm hạ thấp lãi suất dài hạn và giúp nền kinh tế hồi sinh. Chương trình này, đã từng được áp dụng vào cuối thập kỷ 1960, không đồng nghĩa với việc FED bơm thêm tiền vào nền kinh tế nhưng sẽ góp phần hạ thấp lợi suất đối với trái phiếu dài hạn trong khi giữ nguyên lợi suất trái phiếu ngắn hạn. Mục đích của động thái trên là nhằm hạ thập lãi suất đối với mọi khoản vay từ vay thế chấp đến vay vốn sinh viên, qua đó khuyến khích người tiêu dùng và doanh nghiệp vay mượn và chi tiêu. Tuy nhiên, chương trình này cũng bị chỉ trích là sẽ chỉ có tác động hạn chế bởi vì trong một thời gian dài nữa các doanh nghiệp Mỹ sẽ chỉ lo trả các món nợ trong quá khứ, làm sạch bảng cân đối tài sản chứ chưa thể đầu tư trở lại. Điều này sẽ còn làm giảm tác dụng của các gói kích thích tăng trưởng kinh tế.

---

[5] Xem thêm tại: http://www.esa.doc.gov/sites/default/files/ei/documents/2011/December/grossdomesticproductthirdquarter2011thirdestimate_2.pdf

Nhìn bề ngoài, kinh tế Mỹ có dấu hiệu phục hồi mạnh hơn khi người tiêu dùng nước này "mở ví" để chi tiêu mạnh hơn trong kỳ mua sắm cuối năm sau ba năm tằn tiện và thắt lưng buộc bụng do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính. Tuy nhiên, quá trình phục hồi kinh tế Mỹ vẫn kéo dài và nền kinh tế lớn nhất thế giới này cần vượt qua hàng loạt thách thức như tỷ lệ thất nghiệp cao, thâm hụt ngân sách và rủi ro từ cuộc khủng hoảng nợ công tại châu Âu trong ngắn hạn.

Theo FED, giá trị tài sản ròng của các hộ gia đình nước này đã tiếp tục giảm thêm 2.400 tỷ USD xuống 57.400 tỷ USD tính tới cuối tháng 9/2011, đánh dấu mức giảm mạnh nhất kể từ quý IV/2008.6 Như vậy, giá trị tài sản các hộ gia đình Mỹ đã giảm khoảng 12% so với mức đỉnh trước khủng hoảng tài chính.

Kết thúc tài khóa 2011 vào cuối tháng 9 vừa qua, chính quyền liên bang Mỹ ghi nhận mức thâm hụt ngân sách 1.300 tỷ USD, mức cao thứ hai trong lịch sử và chỉ dưới kỷ lục 1.410 tỷ USD trong tài khóa 2009. Tổng nợ công của Mỹ cũng đã chạm ngưỡng 15.000 tỷ USD do chi phí khổng lồ cho các cuộc chiến tranh tại Afganistan và Iraq, chính sách giảm thuế mạnh tay của cựu Tổng thống George W. Bush và các biện pháp kích thích kinh tế dưới thời Tổng thống Barack Obama nhằm vực dậy nền kinh tế.

Hộp 5. Tác động "Operation Twist" có thể lớn hơn QE2

Theo giới phân tích, kế hoạch kích thích kinh tế mới của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) - Operation Twist - được cho là sẽ có tác động lớn hơn so với chương trình nới lỏng định lượng lần 2 (QE2). Theo kế hoạch Operation Twist, FED sẽ mua 400 tỷ USD trái phiếu có kỳ hạn từ 6-30 năm bằng tiền có được từ việc bán 400 tỷ USD trái phiếu có kỳ hạn dưới 3 năm. Kế hoạch này ban đầu bị các nhà đầu tư đánh giá thấp vì thực chất chỉ là chuyển đổi loại trái phiếu đang nắm giữ chứ không rót thêm tiền vào hệ thống tài chính như QE2, khi FED bơm ra 600 tỷ USD để mua trái phiếu.

Ngay trước thời điểm được thông qua, Operation Twist đã có tác động đến lãi suất dài hạn. Lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 30 năm đã giảm xuống dưới 3% lần đầu tiên kể từ tháng 1/2009. Operation Twist cũng khiến những loại trái phiếu được cho là rủi ro nhiều hơn như chứng khoán thế chấp hay trái phiếu doanh nghiệp hấp dẫn các nhà đầu tư hơn. Giá trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 30 năm đều tăng. Operation Twist có được những tác động như vậy vì khi thực hiện kế hoạch này, FED sẽ mua gom các trái phiếu có độ rủi ro lớn nhất nếu có những biến động về lãi suất. Điều này sẽ làm cho nguồn cung của loại trái phiếu này cho

[6] http://www.federalreserve.gov/releases/g19/current/g19.htm

các nhà đầu tư tư nhân giảm. Tuy nhiên, nhiều nhà đầu tư vẫn cần có những trái phiếu đó trong danh mục đầu tư của mình. Điều này đẩy giá của các trái phiều dài hạn tăng lên.

Để đánh giá mức độ tác động của việc FED mua trái phiếu, các nhà quan sát sử dụng khái niệm tương đương với trái phiếu kỳ hạn 10 năm - lượng trái phiếu kỳ hạn 10 năm một nhà đầu tư có thể phải mua để có tổng rủi ro về tỷ lệ lợi nhuận tương đương. Theo cách tính này, Operation Twist có tác động tương đương hoặc lớn hơn một chút so với QE2.

Ước tính Operation Twist sẽ hút mất 375 tỷ USD trái phiếu kỳ hạn 10 năm khỏi thị trường. Credit Suisse đưa ra con số là 436 tỷ USD, lớn hơn mức 412 tỷ USD của QE2. Goldman Sachs cũng đưa ra con số khoảng 400 tỷ USD.

Khu vực đồng euro: thắt lưng buộc bụng trước áp lực nợ công

Tăng trưởng của kinh tế khu vực đồng tiền chung châu Âu không theo kịp Mỹ, nước công bố tăng trưởng GDP quý 3/2011 đạt 0,6%. Kinh tế Anh quý 3/2011 tăng trưởng 0,5%. GDP của Đức có mức tăng trưởng dự báo cả năm là 0,5% trong khi mức tăng trưởng GDP quý 2/2011 của nước này được điều chỉnh lên mức 0,3% từ mức 0,1% theo công bố trước đó. Pháp công bố GDP quý 3/2011 tăng trưởng 0,4%, GDP quý 2/2011 sụt giảm 0,1% chứ không phải con số 0% công bố ban đầu. Hà Lan bất ngờ công bố GDP quý 3/2011 sụt giảm 0,3% trong khi trước đây kinh tế Hà Lan tăng trưởng thuộc loại tốt nhất khu vực, đây có thể coi như hậu quả trực tiếp từ các biện pháp thắt chặt ngân sách cũng như tác động từ khủng hoảng nợ thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu.

Hình 14. Tăng trưởng GDP khu vực đồng euro, 2008-2011 (%)

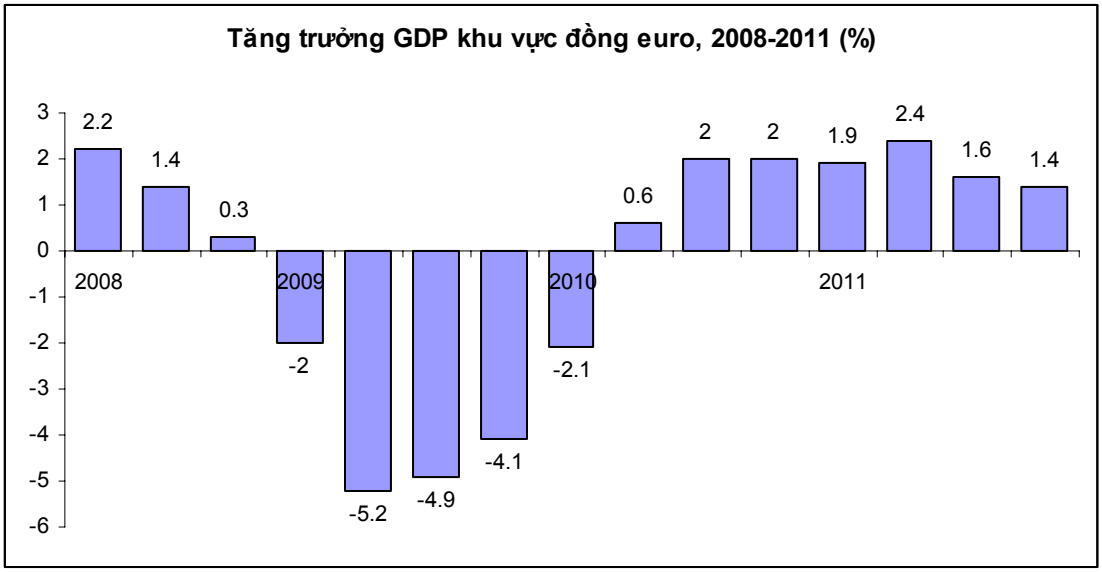

Nguồn: Eurostat

Liên minh châu Âu đã hạ dự báo tăng trưởng năm 2011 từ 1,8% xuống còn 0,5% trong năm 2012. Nền kinh tế khu vực này đang tăng trưởng chậm lại và có nguy cơ rơi vào một cuộc suy thoái mới. Tốc độ tăng trưởng chậm chạp sẽ hạn chế khả năng chống lại cuộc khủng hoảng nợ công. Vấn đề nợ công cao đã gây ra tác động đến hoạt động sản xuất của các nhà máy, có thể tăng trưởng kinh tế đã đảo ngược và bị lấn át bởi hàng loạt các sự kiện vào cuối năm. Số liệu GDP quý 3/2011 có thể coi như khoảng lặng trước cơn bão

Nhật Bản: giảm chi tiêu công

Chính phủ Nhật Bản ngày 9/12 đã công bố tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản trong quý 2 tài khóa 2011-2012 (từ tháng 7-9/2011) đạt 5,6% so với cùng kỳ tài khóa trước đó, thấp hơn mức dự kiến 6%. GDP của Nhật Bản sau khi điều chỉnh lạm phát trong Quý II đạt mức tăng 1,4% so với Quý I, cũng thấp hơn mức tăng 1,5% như công bố trước đó, theo đánh giá sơ bộ chủ yếu là do Chính phủ Nhật Bản giảm chi tiêu công vốn chiếm một phần quan trọng trong GDP của nước này.

Hình 15. Tăng trưởng GDP của Nhật Bản, 2008-2011 (%)

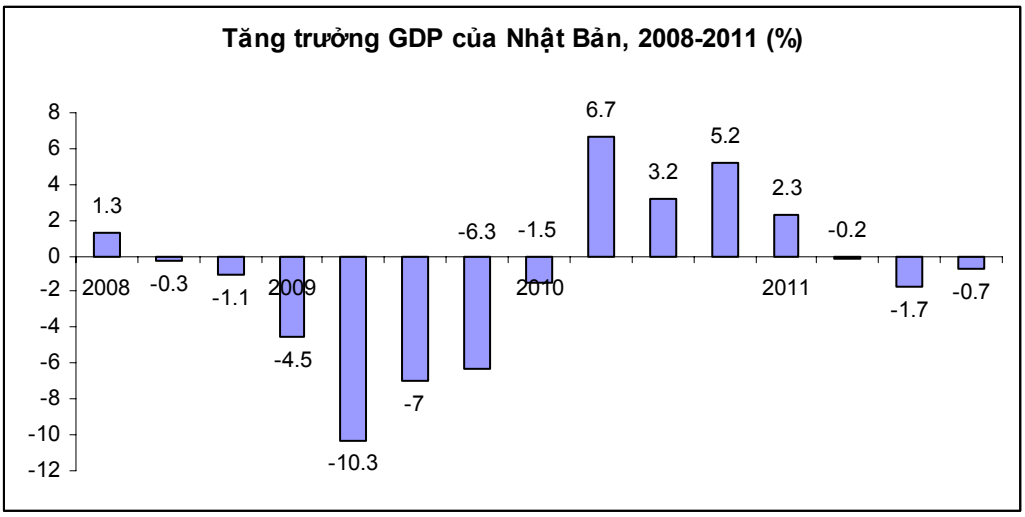

Nguồn: Văn phòng Nội các Nhật Bản (Economic and Social Research Institute)

Lạm phát không đáng kê nhưng đồng yên tăng giá mạnh làm ảnh hưởng không nhỏ đến xuất khẩu, trụ cột chính của tăng trưởng Nhật Bản. Đồng yên tăng mạnh trong thời gian cuối năm do các nhà đầu tư tìm nơi trú ẩn vì lo sợ khủng hoảng châu Âu.

Hộp 6. Tác động ngắn hạn của thiên tai ở Nhật Bản

Các ước tính về tổn thất của trận động đất và sóng thần của Nhật Bản ngày 11/3 vào khoảng 3-5% GDP của nước này, trực tiếp vào một khu vực chiếm 4% GDP và 4,5% dân số. Khoảng 450 nghìn người đã mất nhà cửa và hơn 20.000 đã chết và mất tích. Mặc dù quy mô của trận động đất này tương đương với trận động đất Kobe vào năm 1995 nhưng tác động lại lớn hơn, về cả khủng hoảng hạt nhân, số người chết và tài sản bị phá hủy. Trận động đất đã phá hủy khoảng 7,3% nguồn cung điện của Nhật Bản. Mặc dù nguồn cung cấp điện đã được phục hồi vào tháng 5 nhưng nhà máy điện hạt nhân sẽ bị đóng cửa lâu dài. Hiện nay, nguồn cung điện ở Tokyo, nơi chiếm 40% GDP của Nhật Bản, đã vượt cầu khoảng 20% do những nỗ lực cắt giảm tiêu thụ tự nguyện.

Tác động của trận động đất và sóng thần năm nay trầm trọng hơn. Sản xuất công nghiệp của Nhật Bản giảm 15,5% so với tháng 2, một phần do mất điện, một phần do mức tiêu dùng sụt giảm đột ngột. Mức tiêu thụ bán lẻ cũng giảm 8,5% so với năm trước, trong đó tiêu thụ máy móc và thiết bị giảm 17%. Ngành công nghiệp ô tô cũng suy giảm mạnh cho tới quý II năm 2011, giảm khoảng một nửa sản lượng. Ước tính GDP cũng giảm 3,7% trong quý I và có thể giảm thêm 3-7% (theo tỷ lệ hàng năm) trước khi các nỗ lực tái thiết nhằm tăng trưởng trở lại. Tác động khu vực không quá nặng nề, với ước tính làm giảm 0,5 điểm phần trăm trong quý đầu của năm với những quốc gia có quan hệ thương mại lớn như Malaysia, Việt Nam và Thái Lan.

Nguồn: Ngân hàng thế giới (2011c)

Trung Quốc: Điểm sáng đang phai nhạt

Trung Quốc vẫn là một điểm sáng trong bối cảnh khủng hoảng nợ công trầm trọng tại châu Âu và đe dọa suy thoái mới tại Mỹ. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc dự báo đạt 9,5% trong năm nay, thấp hơn 9,6% trong báo cáo tháng 6, do chính sách thắt chặt và nhu cầu nước ngoài giảm. Dự báo năm 2012 giảm từ 9,5% xuống 9% vì sự khó khăn trong việc thúc đẩy nhu cầu trong nước như một phần của kế hoạch cân đối lại nền kinh tế nhằm duy trì tăng trưởng ổn đỉnh. Mức đóng góp của chi tiêu hộ gia đình vào tăng trưởng không thay đổi do đó tăng trưởng đầu tư đã giảm cùng với việc kết thúc kích thích tài chính đã làm cho dự báo tăng trưởng của Trung Quốc giảm đi.

Hình 16. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc, 2008-2011 (%)

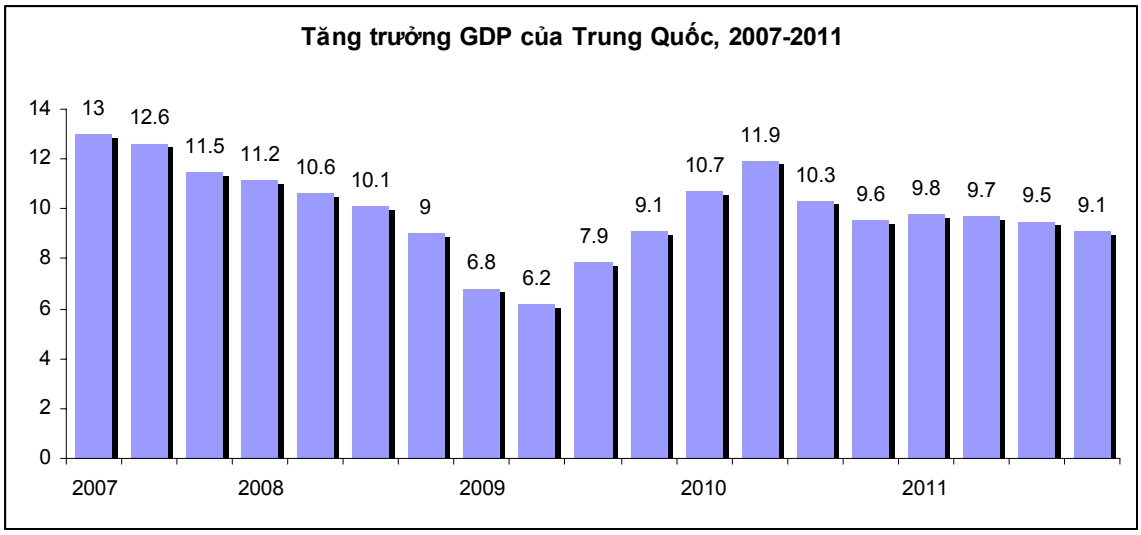

Nguồn: Cục thống kê quốc gia Trung Quốc

Trong những tháng cuối năm, có hai diễn biến đáng chú ý đối với nền kinh tế Trung Quốc. Thứ nhất, chỉ số quản lý thu mua (PMI) cho thấy hoạt động sản xuất giảm trong tháng 11/2011. Thứ hai, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng. Việc nới lỏng chính sách này đánh dấu một sự thay đổi sau 2 năm liên tục tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc và 1 năm tăng lãi suất. Tuy nhiên, với việc triển vọng kinh tế toàn cầu vẫn đang xấu đi trong khi nguy cơ lạm phát trong nước vẫn cao, các nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc đang phải đối mặt với khó khăn rất lớn của việc kích thích tăng trưởng và kiểm soát lạm phát.

Ngày 23/11, HSBC đã khiến các thị trường trên toàn thế giới hoang mang khi công bố chỉ số PMI (Chỉ số quản lý thu mua) của Trung Quốc trong tháng 11/2011 trượt qua mốc 50 (ngưỡng hết sức quan trọng có ý nghĩa phân biệt giữa tăng và giảm) xuống 48,1. Đáng lo ngại nhất, ngành sản xuất dường như đang giảm sút do sự yếu kém của nhu cầu nội địa chứ không phải do xuất khẩu. Sự sụt giảm đột ngột của PMI chỉ là một trong nhiều dấu hiệu cho thấy nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đang đi xuống từng tháng. Trước đó, thị trường đã tiếp nhận một loạt tin không mấy khả quan như tỷ lệ lạm phát giảm nhanh, bất động sản rớt giá, lượng xe hơi bán ra giảm mạnh....

Ngày 30/11, PBoC quyết định hạ 0,5% tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng, theo đó tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng lớn là 21%, các ngân hàng vừa và nhỏ là 19%. Đây là lần đầu tiên trong vòng 3 năm PBoC cắt giảm tỷ lệ này. Việc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc sẽ giúp

các ngân hàng có nhiều tiền hơn để cho vay. Điều này cho thấy rằng PBoC đã bắt đầu lo ngại rằng chính sách quá chặt, làm tăng nguy cơ đối với tăng trưởng.

Việc tỷ lệ dự trữ bắt buộc của các ngân hàng được cắt giảm sớm hơn so với dự báo cho thấy các nhà lãnh đạo chính trị Trung Quốc không muốn GDP tăng trưởng yếu đi. Điều này cũng gợi ý rằng nếu triển vọng kinh tế toàn cầu xấu đi đáng kể, Trrung Quốc có thể thực hiện chính sách kích thích nội địa quyết liệt hơn.

Hộp 7. Hệ quả của việc giảm dự trữ bắt buộc ở Trung Quốc

Việc giảm dự trữ bắt buộc sẽ có tác dụng, nhưng các ngân hàng thương mại của Trung Quốc đã phải gánh hàng đống các khoản cho vay "đáng ngại" do chính phủ chỉ đạo. Vì vậy sự yếu kém của các ngân hàng sẽ là một hạn chế. Về mặt lý thuyết, Trung Quốc có thể tránh được hạn chế này bằng việc sử dụng một phần trong kho dự trữ ngoại tệ 3.200 tỷ USD để cấp vốn cho các ngân hàng (như đã từng làm hồi giữa thập kỷ trước). Tuy nhiên, điều này sẽ khiến PBoC giảm khả năng trả nợ so với hiện nay. Vấn đề là nguồn cung tiền M2 của Trung Quốc vào cuối tháng 10/2011 đã cao hơn của Mỹ 34%, cho dù nền kinh tế chưa bằng một nửa của Mỹ. Cung tiền của Trung Quốc tăng nhanh trong ba năm qua đã gây ra tình trạng lạm phát cao hiện nay.

Trong bối cảnh này, lựa chọn duy nhất của Trung Quốc là tạo tăng trưởng bằng chi tiêu trực tiếp, tương tự như phương thức kích thích tăng trưởng của Nhật Bản trước đây. Nhật Bản cố gắng chi tiêu tiền theo cách để thoát khỏi suy thoái, nhưng phương án này chỉ tạo ra suy thoái và tình trạng ì ạch giống như suy thoái. Lúc đó, Nhật Bản cho rằng nền kinh tế của họ khác biệt, không tuân theo lý thuyết kinh tế truyền thống bằng việc mở đường, xây dựng cầu cống chẳng đi đến đâu. Tất nhiên, người Nhật đã sai và đang trải qua hai thập kỷ mất mát.

Đông Á cũng bị ảnh hưởng tiêu cực

Trong báo cáo định kỳ vừa công bố ngày 22/11, Ngân hàng thế giới (WB) dự đoán kinh tế khu vực Đông Á sẽ chỉ tăng trưởng 8,2% trong năm nay và 7,8% năm 2012, giảm đáng kể so với mức tăng 9,7% của năm 2010, chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ hàng hóa từ các thị trường xuất khẩu trọng yếu của Đông Á như Mỹ và châu Âu tiếp tục sụt giảm. Sự điều chỉnh chi tiêu tại Mỹ, châu Âu và Nhật Bản làm cho Đông Á mất nguồn lợi từ xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến và phải trông đợi vào nhu cầu nội địa, kể cả nhu cầu từ Trung Quốc. Bên cạnh đó, tình trạng lũ lụt tại một số quốc gia; trong đó có Thái Lan, là nhân tố ảnh hưởng tiêu cực tới

tăng trưởng kinh tế các nền kinh tế này, khi nhiều công ty trong khu vực buộc phải đóng cửa sản xuất hoặc tạm ngừng hoạt động do thiếu linh kiện hoặc gián đoạn dây chuyền cung ứng sản phẩm.

Vì nền kinh tế Trung Quốc đang có đà giảm nhẹ nên động lực tăng trưởng của khu vực là nhu cầu của các nền kinh tế có mức thu nhập trung bình như Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam. Với chính sách thắt lưng buộc bụng của các nước phát triển, nguồn đầu tư quốc tế sẽ giảm, nguồn tiền đổ vào thị trường cổ phiếu Đông Á sẽ giảm nên chứng khoán liên tục giảm giá và làm thị trường trái phiếu sụt giảm thất thường.

Bảng 7. Tăng trưởng khu vực Đông Á, 2009-2012 (%)

	2009	2010	Dự báo	
			2011	2012
Đông Á	4,9	9,3	7,1	6,7
Các nước đang phát triển Đông Á	7,5	9,7	8,2	7,8
Trung Quốc	9,2	10,4	9,1	8,4
Indonesia	4,6	6,1	6,4	6,3
Malaysia	-1,6	7,2	4,3	4,9
Philippines	1,1	7,6	4,2	4,8
Thái Lan	-2,3	7,8	2,4	4,0
Việt Nam	5,3	6,8	5,8	6,1

Nguồn: ADB, 2011b.

Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) cũng đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế khu vực này năm 2012 từ 7,5% hồi tháng 9/2011 xuống 7,2%, nhưng giữ nguyên dự đoán tăng trưởng kinh tế năm 2011 ở mức 7,5%. Các nền kinh tế công nghiệp mới như Hồng Công, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan đều có tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại trong cả năm 2011 và 2012, chủ yếu do các nền kinh tế này phụ thuộc nhiều vào thương mại quốc tế hơn là các nước láng giềng, khiến họ bị ảnh hưởng nhiều hơn trước những khó khăn của kinh tế châu Âu và Mỹ. Các nền kinh tế Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) cũng sẽ tăng chậm hơn dự báo trước đó. Do bị ảnh hưởng bởi trận lũ lụt tồi tệ, kinh tế Thái Lan sẽ chỉ tăng trưởng 2% trong năm 2011, nhưng ADB duy trì dự báo năm 2012 ở mức 4,5%.

VIỄN CẢNH VÀ HÀM Ý

Cho tới cuối năm 2011, hầu như tất cả các tổ chức quốc tế cũng như các chuyên gia kinh tế đều có những nhận định bi quan về nền kinh tế thế giới trong năm 2012 với việc kinh tế Liên minh châu Âu (EU) sẽ rơi vào suy thoái trong năm 2012, trong khi các quốc gia châu Á,

đi đầu là Trung Quốc, sẽ giữ vai trò thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu. Viễn cảnh thế giới năm 2012 sẽ là một thế giới hai tốc độ, một phương Tây mỏng manh, song không ai có thể tách rời khỏi các sự kiện kinh tế đang diễn ra trên toàn cầu. Khó khăn của châu Âu có thể kéo kinh tế toàn cầu đi xuống trong những tháng đầu năm 2012.

Bức tranh kinh tế toàn cầu đó tạo ra sự nhận thức đang gia tăng trong chính các nền kinh tế phát triển rằng sức mạnh kinh tế đang dịch chuyển sang phía Đông, khi phương Tây vẫn đang phải vật lộn với những sức ép về tín dụng, suy giảm kinh tế và đổ vỡ lòng tin trong người tiêu dùng và nhà sản xuất. Sức mạnh nổi lên của thế giới đang phát triển thể hiện rõ trong sự mở rộng nhanh của tầng lớp trung lưu, đầu tư cơ sở hạ tầng gia tăng và mối liên kết chặt chẽ giữa các hành lang thương mại mới kết nối châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ Latinh. Tuy nhiên, sự kết hợp từ các chính sách nới lỏng định lượng tại phương Tây và giá cả hàng hóa tăng cao có thể châm ngòi cho những rủi ro lạm phát năm 2012. Dưới quan điểm đầu tư, điều này sẽ gia tăng tiềm ẩn hướng trở lại các biện pháp cẩn trọng vĩ mô, trong đó có việc kiểm soát vốn chặt chẽ hơn.

Tốc độ tăng trưởng không đồng đều giữa các nhóm nước phát triển và nhóm các thị trường mới nổi làm xuất hiện tình trạng "bất đối xứng" trong các ưu tiên kinh tế vĩ mô giữa các nhóm nước, gây nên tình trạng khó khăn cho việc phối hợp các chính sách trên quy mô toàn cầu. Những bất cân đối toàn cầu cũng như những biến động của hệ thống tài chính tiền tệ toàn cầu sẽ tạo ra những diễn biến bất thường về giá vàng và giá dầu do hoạt động đầu cơ rủi ro trên thế giới.

Khu vực châu Á trong năm 2012 cũng sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi phần lớn hàng hóa xuất khẩu của châu Á được đưa sang các nền kinh tế phát triển như phương Tây. Lạm phát tiếu tục sẽ vẫn là một thách thức của các nhà hoạch định chính sách trong khu vực.

Những ảnh hưởng xấu này chắc chắn sẽ có tác động đến những dự báo tăng trưởng và lạm phát của Việt Nam trong năm tới. Với tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu trên GDP ngày càng cao, Việt Nam sẽ chịu tác động trực tiếp từ cuộc suy giảm kinh tế toàn cầu này. Khu vực doanh nghiệp đã suy yếu nhiều trong thời gian qua do tình trạng lãi suất cao, nguồn vốn đầu tư nước ngoài suy giảm tạo nên những sức ép mới lên tỷ giá và cán cân thanh toán.

Tuy nhiên, những tác động đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam là không quá lớn bởi hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là hàng thiết yếu. Cầu đối với loại hàng này không biến động suy giảm mạnh do suy thoái kinh tế ở các nước lớn. Thậm chí, trong một vài trường hợp, dưới tác động thu nhập giảm tiêu dùng ở một số nước phát triển chuyển sang

hàng hóa thấp cấp hơn có xuất xứ từ các nước như Việt Nam. Năm 2011, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt nam đã vượt xa mức kỷ lục đạt được trong năm 2010, vượt xa so với mức kế hoạch đặt ra.[7]

Một trụ cột khác của nền kinh tế Việt Nam là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng có chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu là không lớn. Trên thực tế, chính sách lãi suất thấp và triển vọng không tốt ở các nền kinh tế phát triển làm cho dòng vốn sẽ chảy vào các nền kinh tế mới nổi như Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế dòng vốn FDI giảm sút vào Việt Nam là do những bất ổn kinh tế vĩ mô trong nước chứ không phải do yếu tố bên ngoại. Tuy nhiên, những biến động của các dòng vốn trên quy mô toàn cầu và khu vực sẽ gây ra những khó khăn cho việc điều hành chính sách vĩ mô.

Tóm lại, nếu nền kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng thì suy thoái thì tác động đến tăng trưởng của Việt Nam là không lớn trừ khi hệ thống tài chính toàn cầu bị tê liệt do vỡ nợ ở châu Âu vì cú sốc này sẽ tác động đột ngột đến xuất khẩu của Việt Nam.

[7] http://vneconomy.vn/20111213082010888P0C19/10-diem-vuot-troi-cua-xuat-khau-2011.htm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

ADB (2011a). *Asia Economic Monitor*, December.

ADB (2011b). *Asian Development Outlook,* September.

FAO (2011). *Food Outlook: Global Market Analysis.* November.

ILO (2011). *World of Work Report 2011: Making Markets Work for Jobs.,* October.

Institute of International Finance (2011). *Capital Flows to Emerging Market Economies*, September.

International Monetary Fund (2011). *World Economic Outlook*, 2011.

OECD (2011). *OECD Economic Outlook*. May

UNCTAD (2011). *Trade and Development 2011*, September.

UNCTAD (2011). *World Investment Report 2011*, July

Worl Bank (2011b). "Outlook for Remittance Flows 2011-2013: Remittance Flows Recover to Pre-crisis Levels". *Migration and Development Brief*, May.

World Bank (2011a). *Global Economic Prospects.* June

World Bank (2011c). "Navigating Turbulence, Sustaining Growth", *East Asia and Pacific Economic Update*, November.

WTO (2011). *World Trade Report*, 2011.

WTO (2011). *Overview of Developments in the International Trading Environment: Annual Report by the Director-General*, November.

VEPR

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LIÊN HỆ

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 704, nhà E4
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 3 754 7506 (704)

Fax: (84-4) 3 754 9921

Email: info@vepr.org.vn

Website: www.vepr.org.vn

© 2011 Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội